

Thi-Nham ĐINH - GIA - THUYẾT
(Trong HỘI - HỮU VĂN - ĐOÀN)

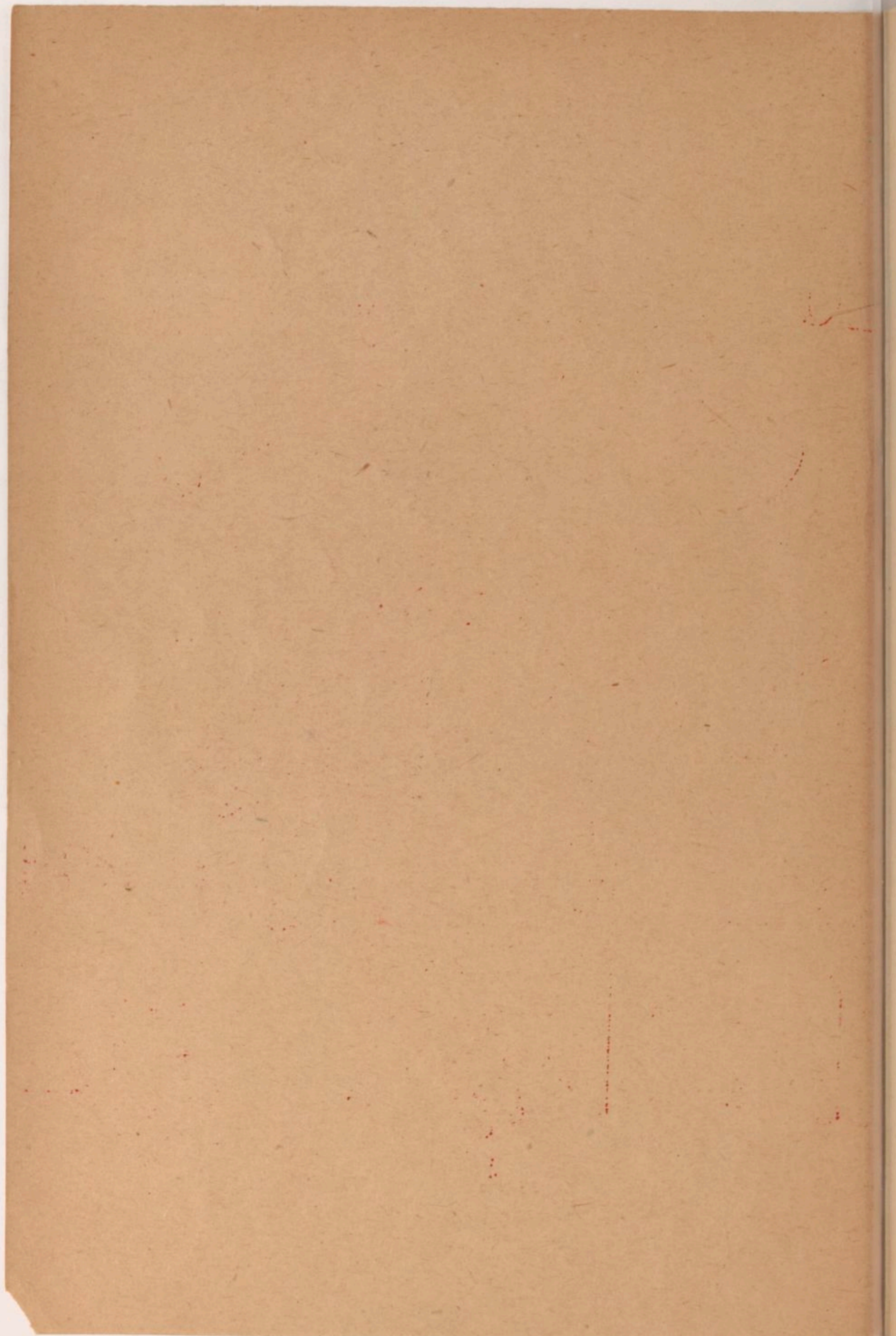
TIỂU SỬ CÁC TÊN PHỐ HÀ-NỘI



*Long-thành bao trải nắng mưa,
Cửa ô Quan - trường bây giờ còn đây!*

1951

2636



THI - NHAM
ĐINH - GIA - THUYẾT
(Trong HỘI - HỮU VĂN - ĐOÀN)

TIÊU - SỬ

CÁC TÊN PHỐ HÀ-NỘI

80 Inocho.
2636

Soạn - giả giữ bản quyền

Những sách dùng để khảo cứu

Đại-Việt sử ký
Khâm định Việt sử
Việt sử tổng vịnh
Đại-nam quốc sử diễn ca
Đại-nam thực lục
Lịch triều hiến chương
Công dư tiệp ký
Tang thương ngẫu lục
Thoái thực ký văn
Việt-nam sử lược
Trung học Việt sử toát yếu
Việt-nam văn học sử (Dương-quảng-Hàm)
Lê Thánh Tông (Chu-Thiên)
Vua Hàm-Ngũ (Phan-trần-Chúc)
Ba-Đình truyện ký (Phan-trần-Chúc)
Phan-đình-Phùng (Đào-trình-Nhất)
Hưng-Đạo đại vương (Phan-kế-Bính)
Nam-phong tạp chí
Trung-Bắc chủ nhật
Tri-tân tạp chí

*
* *

*Chúng tôi xin trân trọng cảm tạ các cụ, các ông :
Thị-trưởng Hà-nội Thầm-Hoàng-Tin, Tử-An Trần-Lê-Nhân, Tham tá
trưởng Bác Cổ Trần-hàm-Tấn, Tiên-Đàm Nguyễn-tường-Phượng, Dã-
nhân Đào - văn - Bình, Long-Điền Nguyễn-văn-Minh, Vũ-huy-Nghiêm,
Dương-gia-Lâm, Đỗ bằng-Đoàn, cùng các bạn trong Hội-Hữu Văn-đoàn
đã hoặc khuyến khích, hoặc chỉ bảo, hoặc giúp đỡ tài liệu để viết cuốn
sách này.*

Thi-Nham
Đình-gia-Thuyết

TỰ A

Sau khi thành phố Hà - Nội cho treo những biển tên mới các phố, thì ông Đinh-gia-Thuyết xuất-bản cuốn sách « Tiểu-Sử Các Tên Phố Hà-Nội ».

Trong cuốn sách « Tiểu-Sử Các Tên Phố Hà-Nội » tác giả đã tóm tắt tài liệu tên các danh nhân hay các đô thị mà thành phố đã lấy tên đặt cho các phố. Tác-giả còn giải thích lý do đặt tên một vài phố với tên các nước bạn, cùng những danh từ tượng-trưng một ý nghĩa gì.

Cuốn « Hà-Nội Chi-Nam » do tòa Thị-chính xuất-bản cũng có một phần chú-thích tiểu-sử các danh nhân hay các đô thị mà các phố mang tên. Cuốn « Hà-Nội Chi-Nam » còn giải thích một vài phố tên các nước bạn hay một danh từ trừu-tượng. Nhưng vì nội dung cuốn Chi-Nam chú thích không được đầy đủ.

Điều thiếu sót đó, ông Đinh-gia-Thuyết đã bỏ khuyết trong khi phát hành cuốn sách « Tiểu-Sử Các Tên Phố Hà-Nội » này.

Vì vậy, lấy tư-cách là Thị-Trưởng thành phố Hà-Nội, tôi rất hoan nghinh cuốn « Tiểu-Sử Các Tên Phố Hà-Nội » và xin trân trọng giới thiệu cùng đồng-bào.

Hà-Nội ngày 25 tháng 5 năm 1951

Tĩnh-Hoàng-Tin

CÙNG BẠN ĐỌC

Sau ngày mồng 9 tháng 3 năm 1945, ngày mà Đức Cựu-Hoàng-Đế Bảo-Đại tuyên-ngôn độc-lập tại kinh-dô Thuận-Hóa, thì Hà-Nội, nơi cố-dô của Lý, Trần, Lê, nơi nghìn năm văn-vật của Việt-Nam, nơi ba mươi sáu phố phường có đầy rẫy những cổ-tích, những giai-thoại, những ca-dao của dân Bắc-thành, trải ngót 60 năm (1888-1945) ngập vào nhượng địa Pháp lại được trở về với tổ-quốc, với đồng-bào giữa lúc bao nhiêu đời, bao nhiêu triệu trái tim cùng mong mỏi. Nắng lâu được mưa rào, lẽ dĩ nhiên là Hà-Nội có một phen gột rửa. Năm 1946, đã có dịp sửa đổi tên phố, nhưng chẳng bao lâu, Hà-Nội lại lâm vào khói lửa, đến nay mới thực hoàn toàn « Hợp phố hoàn châu » !

Cũng như các công sở, từ vườn hoa, đại lộ, cho chí đường, ngõ, của các phố, đều có cái vinh hạnh đeo tấm biển đề tên mới, cái tên bao hàm những kỷ-niệm vẻ vang. Tiếc rằng những tấm biển xinh xắn vuông vắn treo trên cột điện ngã ba đường, chỉ đủ đề mấy chữ tên của vườn hoa, đường, phố, xóm, ngõ mà thôi. Trừ ra những phố gọi theo tên hàng hóa buôn bán như Hàng Đường, Hàng Muối. . . những nơi gọi theo địa danh như đường Sơn-Tây, phố Bắc-Ninh, ngõ Yên-Thái v. v. . . , người ta có thể hiểu ngay được, còn các nơi khác, đối với người chưa đọc sử, nhất là « Sử-liệu-sống » của ít nhiều tân-nhân-vật, nếu chẳng ừ cạc, thì cũng mập mờ, thậm chí có người hiểu sai lạc hẳn, chính chúng tôi đã được mắt thấy tai nghe :

Khi đi qua ngõ Lecornu cũ, một bạn đồng hành đã hỏi : sao có phố « Bà-Triệu » rồi lại còn phố « Ấu-Triệu » ?

Và một bà bạn đến chơi nói chuyện mới thuê được nhà ở phố « Đãng-Dung ».

Thì ra ông bạn đã làm « Thừa-Thiên Liệt-Nữ » (Ấu-Triệu) với Lê-Hải bà Vương» (Triệu-Ấu) và bà đã làm kẻ bán nước cướp nhà Lê (Mạc-dăng-Dung) với một bậc trung-liệt đời Hậu-Trần, có bài thơ « cảm hoài » bất hủ (Đặng-Dung).

Vậy nếu không có một bản « Tiêu-sử các tên phố » để cho người ta cứ không hiểu hay là cứ hiểu lầm như thế, chẳng cũng phụ mất thâm ý của nhà đương-cục về phương-diện « kiến-thiết tâm-lý » lắm ru !

Chính-phủ đem danh hiệu của các bậc anh-hùng, liệt-nữ, chí-sỹ, văn-nhân, những nơi có chiến-công oanh-liệt, những chỗ hội họp của lịch-sử, để đặt tên các vườn hoa, đường, ngõ, khu, phố là chú ý cho quốc dân soi gương người trước, ngắm việc ngày xưa, mà phấn-khởi, mà khích-ngang, mà tranh-dấu, hy-sinh, cho khỏi thẹn là dân một nước tự-do, độc-lập, thì những danh hiệu ấy, quốc dân chính nên hiểu, tất nên hiểu, cần phải hiểu, phải gắng sức tìm cho hiểu, chứ nếu không hiểu hay hiểu sai lạc mất ý nghĩa, thì thực là « chẳng nhữna vô ích lại có hại thêm ».

Để góp một phần nhỏ vào trường hợp trên, chúng tôi, phần khảo-cứu các sử sách, báo chí, phần phỏng-vấn các thức-giả, biên tập cuốn sách nhỏ này, mục-dịch không gì hơn là mong đề nhắc nhở đồng-bào khỏi những quên những danh-nhân và vãng-sự nước nhà trong mỗi khi bước chân ra, trông thấy tấm biển đề tên phố.

Cuốn « TIÊU-SỬ CÁC TÊN PHỐ HÀ-NỘI » này, trừ ra mấy nơi tên đã rõ nghĩa, như trên đã nói, còn gồm có 215 nơi vườn hoa, đường, ngõ, khu, phố (đặt theo thứ tự A, B, C. . .) cần phải giải thích một cách tóm tắt cho đủ hiểu. . . . Tựu trung có chỗ nào sai lầm, chưa được sắc đáng, dám mong các bậc thức-giả sẵn lòng chỉ giáo. Còn muốn khảo-cứu rộng thêm, đã có sử sách cùng liệt truyện của các danh-nhân.

Hà-Nội, ngày 15 tháng 4 năm 1951

Thi-Nham ĐINH-GIA-THUYẾT

Mục lục

(Tên các phố mới và cũ đối chiếu, đặt theo A B C)

SỐ	TÊN PHỐ MỚI	TÊN PHỐ CŨ	KHU
A			
165	Anh quốc (Grand Britain Street)	<i>Bert (Paul)</i>	15
212	Ăng Toan (Soeur Antoine)	<i>Antoine (Soeur)</i>	31. 32
172	Ấu Triệu (Phố)	<i>Lecornu (Ruelle Père)</i>	16
B			
298	Bà Triệu (Phố)	<i>Lê Lợi</i>	26, 21 25
320	Bà Triệu (Ngõ)	<i>Voie N. G 2</i>	26
153	Bà Huyện Thanh-quan	<i>Morel (Rue Rt</i>	33
351	Bạch-Đằng (Đường)		36
127	Bạch Thái Bưởi (Phố)	<i>Hillaret</i>	14
V	Bãi Sậy (Vườn)	<i>Puginier (Square</i>	16
179	Báo Khánh (Phố)	<i>Pottier (Rue</i>	13
178	Báo Khánh (Ngõ)	<i>Voie N. 271</i>	13
217	Bích Câu (Phố)	<i>Graffeuil</i>	32
XIX	Bình Than (Vườn)	<i>Gambetta (Square</i>	19
28	Bùi Viện (Phố)	<i>Deydier</i>	4
XV	Ba-Lê (Vườn)	<i>Foch (Place</i>	15
III	Bách Thảo (Vườn)	<i>Jardin Botanique</i>	34
VIII	Bách Việt (Vườn)	<i>Neyret (Place</i>	17
89	Bạc (Phố)	<i>Changeurs</i>	9
123	Bè (Phố)	<i>Radeaux</i>	7

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ	Khu
90	Bồ (Phố hàng)	<i>Paniers</i>	3
133	Bông (Phố hàng)	<i>Coton</i>	10
211	Bột (Phố hàng)	<i>Antoine</i>	12, 17
210	Bột (Ngõ hàng)	<i>Voie N° 205</i>	31
29	Bún (Phố hàng)	<i>Vermicelles</i>	2, 3
30	Bún (Ngõ hàng)	<i>Vermicelles (Ruelle)</i>	4
5	Buồm (Phố hàng)	<i>Voiles</i>	8
99	Bút (Phố hàng)	<i>Combanère</i>	7
91	Bát Đàn (Phố)	<i>Vieille des Tasses</i>	II
98	Bát Sứ (Phố)	<i>Rue des Tasses</i>	7
C			
134	Cấm chỉ (Phố)	<i>Llonde</i>	17
161	Cao bá Quát (Phố)	<i>Route Tuyên quang</i>	30
121	Cao bá Nhạ (Phố)	<i>Nguyễn trọng Hiệp</i>	14
64	Cao Thăng (Phố)	<i>Grappin (Rue)</i>	5
169	Chân Cầm (Phố)	<i>Lagisquet</i>	16
VII	Chi Lăng (Vườn)	<i>Robin (Square)</i>	33
VIII	Chí Linh (Vườn)	<i>Paul Bert (Square)</i>	15
543	Chu mạnh Trinh (Phố)	<i>Voie N° 163</i>	28
152	Chu văn An (Đại lộ)	<i>Vallenhoven</i>	31, 33
330	Chùa vua (Ngõ)	<i>Voie N° 233 Bis</i>	27
334	Chùa vua (Phố)	<i>Dumoutier (Gustave)</i>	27
352	Chương dương độ (giốc)		36
327	Cao đạt (Phố)	<i>Voie H I</i>	26

Số	Tên phố cũ	Tên phố mới	Khu
213	Cát Linh (Phố)	<i>Cát Linh</i>	32
16	Châu Long (Phố)	<i>Antoine Bonnet</i> (Ng. công Trứ)	1, 3
14	Châu Long (Ngõ)	<i>Châu Long (ruelle)</i>	3
120	Chung Yên (ngõ)	<i>Chung Yên (ruelle)</i>	14
67	Chợ Gạo (Phố)	<i>Commerce (place)</i>	8
17	Cửa Bắc (Phố)	<i>Đỗ hữu Vy</i>	22, 24
199	Cửa Nam (Phố)	<i>Neyret</i>	17
70	Cá (phố hàng)	<i>Poissonnerie</i>	7
53	Chả cá (Phố)	<i>Laque</i>	7
52	Cân (phố hàng)	<i>Balances</i>	10
55	Chai (phố hàng)	<i>Ngõ Ngang</i>	6
205	Cháo (phố hàng)	<i>Bảng nhỡn Đôn</i>	31
117	Chỉ (Ngõ hàng)	<i>Hàng chỉ</i>	10
60	Chiếu (Phố hàng)	<i>Dupuis</i>	8
79	Chĩnh (Phố hàng)	<i>Vases</i>	8
313	Chuối (Phố hàng)	<i>Beylié</i>	23
314	Chuối (Ngõ hàng)	<i>Impasse Beylié</i>	23
231	Cỏ (ngõ hàng)	<i>Chân Hưng (cité)</i>	17
56	Cót (phố hàng)	<i>Takou</i>	6
92	Cửa Đông (Đại lộ)	<i>Bichot</i>	7
72	Cống Đục (phố)	<i>Etoffes</i>	7
308	Chợ Đuôi (phố)	<i>Goussard</i>	25
131	Cầu Gỗ (phố)	<i>Pont en bois</i>	14
XI	Cột Đồng hồ (vườn)	<i>Place C.D.H.</i>	9
II	Cờ Ngự (Đường)	<i>Mal. Lyautey</i>	I

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ	Khu
D			
XIV	Diên Hồng (vườn)	Chavassieux (Square)	15
245	Duy Tân (phố)	Route de Huế	26, 21, 25
317	Duy Tân (ngõ)	Sergent Giác	24
239	Dã Tượng (phố)	Lambert (Rue)	18
240	Dã Tượng (ngõ)	Lambert (cité)	18
144	Dân Quyền (Đại lộ)	République (Avenue)	34
338	Đồng Nhân (phố)	Voie N ^o 232	27
109	Da (phố hàng)	Cuir	12
185	Dầu (phố hàng)	Rue du Lac	14, 14
Đ			
38	Đậu (phố hàng)	Graines	4
39	Đậu (ngõ hàng)	Graines (Ruelle)	4
I	Đê Yên-phụ	Yên phụ digue	1, 2
XII	Đắc lộ (đường)	Alexandre de Rhodes (Square)	15
328	Đại-Cồ-Việt (Đường)	Voie N ^o 104, 202, 222	26, 29
157	Đại-La (Đường)	Route circulaire	N. T.
77	Đào duy Từ (phố)	Đào duy Từ	7, 9
31	Đặng Dung (phố)	Dieulefils, voie 94	3
34	Đặng Tất (phố)	Autigeon (Madame)	34
216	Đặng trần Côn (phố)	Alexandre de Rhodes	32
197	Đặng thái Thân (phố)	Laubarrède	19
193	Đình-Tiên-Hoàng (Đại lộ)	Garnier (Francis)	15
257	Đình công Tráng (phố)	Willers (Berthe)	19
189	Đình Lễ (phố)	Fourès	15
199	Đình Liệt (phố)	O'dendhal	15

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ	Khu
108	Đường Thành (phố)	Citadelle	3
218	Đoàn thị Điềm (phố)	Tholance (Auguste)	32
326	Đội-Cung (phố)	Voie N° 14	26
X	Đông - Kinh Nghĩa-Thục (vườn)	Négrier (place)	15
148	Đội-Cấn (phố)	Champ de courses	33
200	Đình Ngang (phố)	Citadelle (Tour de)	17
266	Đoàn như Hải (phố)	Voie N° 9	20
291	Đỗ-Hành (phố)	Hautefeuille	20
50	Đào (phố hàng)	Rue de la Soie	10
97	Đồng (phố hàng)	Tasses	7
48	Đường (phố hàng)	Sucre	8
78	Đông-Thái (phố)	Đông Thái	8
47	Đồng-Xuân (phố)	Riz (Rue du)	5
62	Đồng-Xuân (ngõ)	Voie N° 252	5

G

243	Gia-Long (Đại lộ)	Gia Long (Boulevard)	18,21
42	Gầm cầu (phố)	Leblanc	6
96	Gà (phố hàng)	Tien Tsin	7,11
132	Gai (phố hàng)	Chanvre	13
46	Giấy (phố hàng)	Papier	5
82	Giày (phố hàng)	Lataste Ng. duy Hàn	8
126	Gia Ngư (phố hàng)	Tirant	10,14

H

198	Hai bà Trưng (Đại lộ)	Rollandes (Bd.)	17,18,21
-----	-----------------------	-----------------	----------

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ	Khu
160	Hàm-Nghi (Đại lộ)	Faure (Félix) Galliéni	33
353	Hàm tử quan (Đường)	Cầu Đất (D. Fellonneau)	36
277	Hàn-Thuyên (Phố)	Pavie	23
278	Hàn-Thuyên (Ngõ)	Impasse Pavie	23
142	Hoàng-Diệu (Đại lộ)	Pasquier (Pierre)	33,34
36	Hoàng-hoa-Thám(Đường)	Digue Parreau	34
288	Hồ-xuân-Hương (Phố)	Jabouille	12
154	Hùng-Vương (Đại lộ)	Brière de l'Isle (Avenue)	33,34
167	Hội-Vũ (Ngõ)	Hội-Vũ (ruelle)	16
IV	Hồng Bàng (Vườn)	Puginier (Rond Point)	33,34
25	Hồng Phúc (Phố)	Hồng Phúc	4
299	Huyền-Trân Công-Chúa (phố)	Duvigneau	21,25,26
106	Hà Trung (Phố)	Hà Trung (rue)	12
107	Hà Trung (Ngõ)	Hà Trung (Impasse)	12
268	Hà Hồi (Sóm)	Jauréguiberry (Cité)	20
122	Hồ Hoàn Kiếm (Phố)	Philharmonique (Rue)	14
103	Hội tin lành (Phố)	Phạm phú Thứ	11
309	Hoà-Mã (Phố)	Sénès (Amiral)	24
279	Hàm-Long (Phố)	Doudart de Lagrée (Rue)	21,22
177	Hành (Ngõ hàng)	Oignons (Ruelle des)	13
116	Hòm (Phố)	Caisses	10
137	Hương (Ngõ hàng)	Maréchal Joffre	7
237	Hỏa Lò (Phố)	Prison	18
23	Hòe Nhai (Phố)	Voie N° 34	4
274	Hàm Long (Ngõ I)	Cité Thuận-Lợi ou laquée	22

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ	Khu
273	Hàm Long (Ngõ) II	Impasse Duc Khanh	22
271	Hàm Long (Ngõ) III	Cité Vĩnh Thái	22
84	Hài Tượng (Ngõ)	Hài Tượng	9
K			
VI	Kinh Thiên (Vườn)	Hébrard (Square	33
151	Khúc hạo (Phố)	Coulier (Charles	33
135	Kỳ Đồng (Phố)	Bruisseaux (Cap	17
261	Kim Liên (Phố)	Route Mandarine Prgée	26
43	Khoai (Phố)	Tubercules (Rue	5,6
44	Khoai (Ngõ I)	Tubercules (Ruelle 1	5
45	Khoai (ngõ II)	Tubercules (Ruelle 11	5
L			
241	Lê Chân (Phố)	Simoni	18
74	Lãn ông (Phố)	Phúc Kiến	7
324	Lê đại Hành (Đại lộ)	Hoàng cao Khải	29
323	Lê đại Hành (Ngõ)	Chapuis (Ruelle	26
187	Lê Lai (Phố)	Bonhour, S. Dominé	15
206	Lê như Hồ (Phố)	Voie N° 208	31
191	Lê phụng Hiều (Phố)	Leclanger	15
342	Lê quý Đôn (Phố)	Léger (Marcel	28
182	Lê thái Tổ (Đại lộ)	Beauchamp, Jules Ferry	13
188	Lê Thạch (Phố)	Chavassieux (Avenue	15
249	Lê thánh Tôn (Đại lộ)	Bobillot	19
162	Lê Trực (Phố)	Leblois (Gal	31
234	Lê văn Hưu (Phố)	Laveran	22

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ	Khu
275	Lê văn Hưu (Ngõ I)	Cité Bảo-Long	22
286	Lê văn Hưu (Ngõ II)	Cité Khang an	22
271	Lê văn Hưu (Ngõ III)	Cité Tràng Khánh	22
194	Lý đạo Thành (Phố)	Labrousse (Cap)	15
267	Liên Trì (Phố)	Barona, Trạng Trình	20
345	Lương Yên (Đường)	Digue nouvelle	28
174	Lý Quốc-Sur (Phố)	Lamblot	13
248	Lý Thái-Tồ (Đại lộ)	Courbet (Amiral)	15
259	Lý-thường-Kiệt (Đại lộ)	Carreau	17, 18, 19
236	Lý-thường-Kiệt (ngõ)	Identité (Impasse)	18
208	Lý-văn-Phúc (phố)	Voie N ^o 204	31
311	Lò Đúc (phố)	Rousseau (Armand)	23, 28
260	Lọng (phố hàng)	Route Mandarine	17, 20
54	Lược (phố hàng)	Sông Tô Lịch	6
71	Lò Rèn (phố)	Forgerons	7
184	Lò sứ (phố)	Pouyanne (Albert)	14
307	Lữ-Gia (phố)	Luro	24
51	Lương-văn-Can (phố)	Lê quý Đôn	10, 13
85	Lương-ngọc-Quyên (phố)	Galet, Nguyễn-Khuyến	9
136	Lý-Nam-Đế (phố)	Maréchal Joffre	6, 11
138	Lý-Nam-Đế (ngõ)	Nam ký (Cité)	7
57	Lê-văn-Linh	Noguès (Rue Gal)	6
188	Lê-Thạch (Đại lộ)	Chavassieux (Avenue)	15
M			
5	Mạc-đĩnh-Chi (phố)	Mac dinh Chi	1
301	Mai-hắc-Đế (phố)	Charron	25

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ	Khu
55	Mai-xuân-Thường (phố)	Hậu quân Chát	34
XVI	Mê-Linh (vườn)	Prison (Square)	18
147	Một cột (phố)	Groleau	33
164	Mỹ-Quốc (phố) (United States of América Street)	Borgnis Desbordes	16
59	Mã (phố hàng)	Cuivre	6
115	Mành (phố hàng)	Stores	12
88	Mắm (phố hàng)	Saumure	9
76	Mã Mây (phố)	Pavillon noirs	8, 9
87	Muối (phố hàng)	Sel	9

N

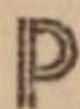
230	Nam-Ngư (phố)	Nam Ngư	17
247	Ngô-Quyền (Đại lộ)	Rivière (Henri)	15, 19, 20
228	Ngô-sĩ-Liên (phố)	Lý-thường-Kiệt	30
223	Ngô-sĩ-Liên (ngõ)	Voie No ^o 288	30
303	Ngô-thời-Nhiệm (phố)	Jacquin	22, 24
280	Ngô-văn-Sở (phố)	Jouhaux	21
32	Nguyễn-Biểu (phố)	Schneider (Frère)	
319	Nguyễn-công-Trứ (phố)	Sergent Larrivé	23, 24
270	Nguyễn-Chế-Nghĩa (phố)	Faure (Félix) Galliéni	33
111	Nón (phố hàng)	Chapeaux	11
49	Ngang (phố hàng)	Cantonnais (Rue)	9
175	Nhà Chung (phố)	Mission	13
176	Nhà Chung (ngõ)	Landais (Impasse)	13
181	Nhà Thờ (phố)	Cathédrale	13
69	Ngõ Gạch (phố)	Briques	8

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ	Khu
105	Ngõ Trạm (phố)	Bourret	12
156	Ngọc Hà (phố)	Route Ngọc Hà	31, 33
94	Nhà Hỏa (phố)	Feits hamel	11
170	Ngõ Huyện (phố)	Ngõ Huyện (Ruelle)	16
83	Nội Miếu (ngõ)	Nội Miếu (Ruelle)	9
27	Nhà Thương Khách (phố)	Hôpital Chinois	4
283	Nguyễn-Du (phố)	Dufour, Halais, Riquier	20, 21
10	Nguyễn-đình-Chiều (Phố)	Voie N° 105	1
256	Nguyễn-huy-Tự (Phố)	Monceaux (Cap)	19
347	Nguyễn-Khoái (Đường)	Rheinart	28
158	Nguyễn-phạm-Tuân (phố)	Voie N° 143	31
163	Nguyễn-thái-Học (Đại lộ)	Duvillier	17, 30, 31
292	Nguyễn-thượng-Hiền (phố)	Mongrand	20
104	Nguyễn-Trái (Phố)	Nguyễn-Trái	11
150	Nguyễn-tri-Phương (đại lộ)	Puginier (Avenue)	17, 33
22	Nguyễn-trường-Tộ (phố)	Jambert	3, 4
143	Nguyễn-cảnh-Chân (phố)	Destenay	34
63	Nguyễn-thiện-Thuật (phố)	Lepage	5
282	Nguyễn-gia-Thiều (phố)	Bonifacy	20
9	Nguyễn-khắc-Hiểu (phố)	Voie N° 103	1
41	Nguyễn-hữu-Huân (phố)	Leblanc	5
24	Nguyễn-trung-Trực (phố)	Trippenbach (Rue)	4
297	Nguyễn-bình-Khiêm (phố)	Daurelle (Réné)	21, 25
20	Nguyễn-khắc-Nhu (phố)	Tiền-quân Thành	2
190	Nguyễn-Sý (phố)	Boissière (Rue)	15
251	Nguyễn-Khuyến (phố)	Dutreuil de Rhin	19

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ	Khu
353	Nghĩa Dũng (giốc)		35
145	Nguyễn Lâm (đại lộ)	Paul Doumer Avenue	33
312	Nguyễn trung Ngạn (phố)	Voie N ^o 172	23
293	Nguyễn Quyền (phố)	Voi N ^o 170 bis	20
68	Nguyễn Siêu (phố)	An Sat Siêu	8
40	Nguyễn Thiệp (phố)	Duranton	4, 5
341	Nguyễn lai Thạch (phố)	Mathis (Costant)	28
6	Ngũ Xã (phố)	Trần Hưng Đạo	1



515	Ông-ích-Khiêm (phố)	Mangin (Gal)	33
61	Ô quan trưởng (phố)	Nattes en jonc	8



166	Pháp-quốc (phố)	Rue France	15
310	Phạm đình Hồ (phố)	Chéon	23
221	Phạm hồng Thái (phố)	Nolly (Emile)	2
255	Phạm ngũ Lão (phố)	Concession (Rue de)	19
250	Phạm sư Mạnh (phố)	Sapèquerie	19
232	Phan bội Châu (phố)	Colomb	17
37	Phan đình Phùng (đại lộ)	Carnot (Bd)	3, 4, 34
252	Phan chu Trinh (đại lộ)	Rialan (Bd)	19
276	Phan chu Trinh (ngõ)	Krug (Cité)	23
102	Phạm phú Thứ (phố)	Pham phu Thu	11
253	Phan huy Chú (phố)	Raffénel	19, 23
254	Phan huy Chú (ngõ)	Verdum (Impasse)	19
209	Phan phu Tiên (phố)		31

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ	Khu
124	Phan thanh Giản (phố)	Pétain (Rue Maréchal)	9,14
304	Phù-dồng Thiên Vương (phố)	Pescadores (Rue)	24
93	Phùng Hưng (Đại lộ)	Orléans (Henri)	6,7,1,12
XX	Pasteur (vườn)	Pasteur (Square)	18
302	Phùng khắc Khoan (phố)	Logerot (Alfred)	24
173	Phủ Doãn (phố)	Julien Blanc	16
168	Phủ Doãn (ngõ)	Impasse Phủ Doãn	16
86	Phất Lộc (ngõ)	Phất Lộc (ruelle)	9
95	Phèn (phố hàng)	Vieux Marché	7
Q			
235	Quán Sứ (phố)	Richaud	16,18
242	Quang Trung (Đại lộ)	Jauréguiberry (Bd)	18,21
214	Quốc tử Giám (phố)	Voie N° 238	32
13	Quan Thánh	Grand Bouddha	3,4
112	Quạt (phố hàng)	E.ventails	10
R			
58	Rươi (phố hàng)	Vers blancs	6
S			
159	Sơn Tây (phố)	Sơn Tây	31
220	Sinh Từ (phố)	Sinh Từ	30
T			
XVIII	Tao Đàn (vườn)	Université (Square)	19
81	Tạ Hiện (phố)	Géraud	9

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ	Khu
1	Tây Hồ (vườn)	Eckert (Square)	33
349	Tây Kết (đường)		36
IX	Tây Sơn (vườn)	Simoni (Square)	16
315	Tăng bát Hồ (phố)	Révérony (Rue)	23
322	Thái Phiên (phố)	Chapuis	26
285	Thi Sách (ngõ)	Cité Nghia Loi, An vinh Xương	22
305	Thi Sách (phố)	Hérel de Brisis	22,24
171	Thọ Xương (ngõ)	Dronet (Ruelle Père)	16
318	Tô hiến Thành (phố)	Wiélé	25
193	Tôn Đản (phố)	Rue de la Chaux	15
149	Tôn thất Thuyết (đại lộ)	Giovaninelli (Bd)	33
265	Trần bình Trọng (phố)	Delorme	20
231	Túc Mạc, (ngõ)	Tân Hưng	20
100	Thuốc bắc (phố hàng)	Médicaments	2,3
141	Trong Thành (phố)	Voie N° 52,	T.T.
	(Rue de la Citadelle intérieur)		
65	Thanh Hà (phố)	Thanh Hà (Rue)	5
66	Thanh Hà (ngõ)	Thanh Hà (Ruelle)	5
12	Thụy Khê (phố)	Pépinère ou R. vil. Papier	34
3	Trúc Lạc (ngõ)	Trúc Lạc (Impasse)	1
233	Thợ nhuộm (phố)	Soler (Jean)	17,18
118	Tổ tịch (ngõ)	Tổ Tịch (Ruelle)	10
101	Thiếc (phố hàng)	Ferblantiers (Rue)	10
130	Thùng (phố hàng)	Rondony ou Rue des Seaux	14
114	Tạm Thương (ngõ)	Tam Thương (Ruelle)	12
25	Tre (phố hàng)	Bambous	14

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ	Khu
180	Trống (phố hàng)	Jules Ferry	23
337	Trần cao Vân (phố)	Voie N° 230	27
331	Trần cao Vân (ngõ)	Voie N° 260 Bis	27
287	Trường-An (ngõ)	Truong An (Cité)	21
354	Tân-ấp (giốc)		35
300	Triệu Việt Vương (phố)	Chanceaulme (Rue)	21,25,26
258	Trần Hưng Đạo (Đại lộ)	Gambetta (Bd)	18,19,20
346	Trần khánh Dư (Đại lộ)	Rheinard (Quai)	19,23
294	Trần Nhân Tôn (phố)	Miribel (rue)	25,29
249	Trần Thánh Tôn (phố)	Bobillot	19
281	Trần quốc Toản (phố)	Reinach (rue)	20,21
128	Trần nhật Duật (Đại lộ)	Clémenceau (Quai)	5,8,9,14
129	Trần quang Khải (Đại lộ)	Guillemoto (Quai)	14,15
229	Trần quý Cáp (phố)	Đình-Tiên-Hoàng	30,32
269	Trương Hán Siêu (phố)	Robert	21
219	Trương Vĩnh Ký (phố)	Voie N° 221	32
195	Trương Định (phố)	Foch	15
7	Trần kể Xương (phố)	Voie N° 108	1
4	Trúc Bạch (phố)	Trung (Sœur) Voie 95,96,98	1
146	Tôn Thất Đàm (phố)	Olliviers	33
238	Triệu quốc Đạt (phố)	Rodier	18
208	Trịnh Hoài Đức (phố)	Voie N° 214	31
186	Trần Nguyên Hãn (phố)	Balny	15
203	Thanh Miến (ngõ)	Thanh Miên (ruelle)	30
289	Thuyền Quang (phố)	Crévost	20
295	Trần xuân Soạn (phố)	Harmand	22

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ	Khu
306	Trần xuân Soạn (ngõ)	Cité Đại-Lợi	24
196	Tràng Tiền (ngõ)	Sapèquerie (Ruelle)	19
139	Tôn Thất Thiệp (phố)	Badens (Gal de)	T.T
140	Tôn Thất Thiệp (ngõ)	Impasse Badens	17
80	Tôn Thất Yên (ngõ)	Sầm Công (Ruelle)	9
V			
350	Vạn Kiếp (giốc)		36
234	Vạn Kiếp (ngõ)	Thịnh Đức (Cité)	17
348	Vân Đồn (đường)		36
XVII	Vụ-quang (vườn)	Berte de Villiers (place)	23
246	Vọng đức (phố)	Vọng đức	19
8	Vũ phạm Hàm (phố)		1
290	Vũ Lợi (phố)	Hà văn Ký	20
227	Văn Miếu (phố)	Cao đặc Minh	30
II	Vạn Xuân (vườn)	Carnot (Square)	4
73	Vải (phố hàng)	Etoffe (Rue)	7
192	Vôi (phố hàng)	Chaux (Rue)	15
Y			
263	Yết Kiêu (phố)	Bovet	20
264	Yết Kiêu (ngõ)	Bovet Cité	20
340	Yersin (phố)	Calmette Rue Dr.	28
329	Yên Bái (phố)	Voie N ^o 233	27
18	Yên Ninh (phố)	Bourrin	2, 3
19	Yên Ninh (ngõ)	Impasse Bourrin	2
15	Yên Thành (ngõ)	Impasse Yên Thanh	3
202	Yên Thế (phố)	Voie N ^o 268	30
201	Yên Thế (ngõ)	Cité Văn Tân	30

A

Anh-Quốc (phổ)

Anh quốc tức nước Anh - Cát - Ly, một cường quốc bên Âu-châu, đất rộng ước 242 nghìn cây số vuông, dân số ước 45 triệu người, dưới quyền vua và nghị viện.

Ăng-Toan (phổ)

Ăng-Toan là tên một bà phước người Pháp, theo đạo Thiên chúa, là một nhà từ thiện, rất có công đức đối với công việc xã-hội Hà-thành.

Ấu-Triệu (phổ)

Ấu-Triệu là biệt hiệu một vị sư nữ tên là Lê-thị-Đàm, người xã Thê-Lai-Thượng, phủ Thừa Thiên, khoảng năm Canh-Tuất triều Duy-Tân (1910), vì án quốc sự, bị bắt giam, tra khảo trước sau không khai một lời, rồi tự tử ở trong ngục. Nhờ đấy các đồng chí đều được vô sự. Năm 1928, cụ Phan-Sào-Nam sau khi về nước, có soạn văn bia dựng tại trong vườn nhà cụ ở Kinh đô Huế, đề kỷ niệm Ấu-Triệu liệt nữ, lời văn rất bi tráng. Nhà bia có khắc câu đối:

Tâm khả huyền ư thiên nhật nguyệt,

Thân tăng giá giũ Việt giang sơn,

Nghĩa là:

Lòng nọ khá treo cùng nhật nguyệt,

Thân này đã giũ với non sông.

B

Bà Triệu (phổ)

Bà-Triệu tức là Triệu-âu, người quận Cửu-Chân tức Thanh-hóa bây giờ, có dũng lược (tương truyền vú dài 3 thước). Bấy giờ nước ta thuộc Đông-Ngô (210—279), bà khởi binh kháng chiến, « Đầu voi chỉ ngọn cờ vàng, sơn thôn mấy cõi chiến trường xông pha ». Quân Ngô khiếp sợ, gọi là : « Lê-Hải ba vương ». Nay còn đền thờ ở làng Bồ-Điền, tỉnh Thanh-Hóa.

Bà Huyện Thanh-Quan (phổ)

Bà Huyện Thanh quan họ Nguyễn không rõ tên, người làng Nghi-tàm, Hà-Nội. Lấy chồng họ Lưu, người làng Nguyệt-Áng, huyện Thanh-Trì, tỉnh Hà-Đông bây giờ. Ông đỗ Cử-Nhân, làm Tri-Huyện Thanh-quan, nên người ta gọi là Bà huyện Thanh-quan.

Bà học rộng có tài văn thơ, chính bà là tác giả bài thơ « Qua Đèo ngang ». Và còn có nhiều bài thơ nôm nay còn truyền tụng.

Bạch- Đằng (Đường)

Bạch-Đằng là một con sông nhánh của con sông Thái-Bình, phân địa giới tỉnh Kiến-An và Quảng-Yên. Sông rộng mà sâu. Ngày xưa quân Tàu sang lấn nước ta, thủy binh thường do con sông này mà tiến vào nội địa. Dùng kế cắm kè giòng sông để đón đánh chiến thuyền bên địch, Ngô-vương-Quyền đã phá quân Nam-Hán (933), Trần-Hưng-Đạo đã phá quân Mông-Cồ (1288) tại sông ấy.

Bạch-Thái-Bưởi (phổ)

Bạch-Thái-Bưởi tức Ký-Bưởi, quê xã Yên-Phúc, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà-Đông. Là người Việt-Nam thứ nhất có xưởng đóng

tàu và chữa tàu chạy các sông biển. Ông đã mở một đường hàng hải cho người bản-quốc cạnh tranh thương quyền với ngoại quốc về khoảng đầu thế kỷ 20 này.

Bãi-Sậy (vườn)

Bãi-Sậy thuộc địa phận phủ Khoái-châu tỉnh Hưng-Yên, tức chỗ đầm Dạ-Trạch, thuộc xã Vĩnh-Hưng, Triệu-quang-Phục đóng quân chống với Trần-bá-Tiên ngày trước. Nơi đó bốn mặt bùn lầy, lau sậy rậm rạp, nên gọi là « Bãi-Sậy ». Khoảng năm 1886, 1887 cụ Tán-Thuật đóng quân ở đấy, chống nhau với quân Pháp. Sau khi cụ sang Tàu, các đồ đảng cũng vẫn đóng quân thủ hiểm, cầm cự mãi đến năm 1897 mới tan.

Báo-Khánh (ngõ)

Báo-Khánh là tên một ngõ ở ngoài thành Thăng-Long, về đời nhà Lý, gần với tháp « Báo-Thiên ».

Bích-Câu (phố)

Bích-Câu là tên một phường của thành Thăng-Long ngày xưa. Tục truyền đời Hồng-Đức nhà Lê (1470-1496) có thư-sinh họ Trần tên là Tú-Uyên gặp tiên nữ ở đấy, nên có truyện « Bích-Câu Kỳ-Ngộ ».

Bình-Thanh (vườn hoa)

Bình-Thanh là một bến đò thuộc xã Trần-Xá, huyện Chí-Linh, tỉnh Hải-Dương. Khoảng năm Thiệu-Bảo đời Trần (1278-1285), quân Mông-Cổ sang xâm lấn nước ta, Trần Nhân-Tôn cùng Thượng-Hoàng (tức Thánh-Tôn) lánh ra bến Bình-Thanh, triệu các vương hầu bách quan hội nghị mưu kế đánh giặc.

Ba - Lê (vườn)

Ba-Lê (Paris) kinh-đô nước Pháp, một nơi đô-hội rất to trong đại lục Âu-châu. Xưa nguyên là một thị trấn trên một hòn đảo trong sông Tạc-nạp-hà. Đến năm 508, vua nước Pháp là Khác-La-Vy mới đóng kinh-đô ở đấy cho đến bây giờ.

Bùi - Viện (phố)

Một nhà văn người Thái - Bình, biết rộng trông xa từ thế - kỷ trước, đã dâng sớ lên vua Tự - Đức xin ngoại-giao với người Mỹ.

Bách - Thảo (vườn)

Một vườn hoa có sông núi, cây cỏ, một khu vực rất rộng, ở phía tây bắc Hà-nội, cũng gọi là vườn bách - thú, vì đã có độ nuôi các thú chim muông.

Bách - Việt (vườn)

Bách-Việt nghĩa là trăm giống Việt. Tục truyền Việt-Nam ta nguyên là giòng dõi Lạc-long-Quân, do một bọc trăm trứng nở ra, thành ra trăm con giai, gọi là Bách-Việt. — Nghĩa bóng là số đông người Việt - Nam.



Cấm - Chi (phố)

Cấm-chỉ là một câu chuyện tục truyền : vua Lê Chiêu - Tôn tức Chúa-Trởm (1516-1522) bị quyền thần Mạc-đăng-Dung bắt giam, nhà vua vốn nghiện rượu, thường mật sai ngục quan ra phố

mua chịu rượu và thực phẩm, nợ đã nhiều mà không có trả, nên bấy giờ đã có câu tục ngữ: «nợ như Chúa-Trôm». Sau con là Hoàng tử Ninh (tức Lê Trang-Tôn) ở Ai Lao về nối ngôi, xa giá vừa tới cửa thành, các nhà có nợ đã xúm nhau lại đòi cái món nợ của vua cha. Để cho được trọng quân quyền, các quan liền hạ lệnh «**Cấm chỉ**» các trái chủ không được làm huyên náo thất lễ. Chính cái nơi xảy ra việc ấy, ngày nay được đeo tên là phố Cấm - chỉ. Đó là câu chuyện truyền văn, xin kính chắt cùng độc giả chư tôn.

Cao - bá - Quát (phổ)

Cao-bá-Quát biệt hiệu là Chu-Thần, người xã Phú-Thị, huyện Gia-Lâm, tỉnh Bắc-Ninh. Đỗ Cử-nhân khoa Tân-Mão triều Minh Mệnh, bổ giáo-thụ phủ Quốc-Oai. Ông là bậc hay chữ đồng thời với ông Nguyễn văn Siêu. Vì có đại tài không được đại dụng, nên thường uất ức bất đắc chí. Sau can vào việc «giặc Trâu Trấu», bị tội tử hình.

Cao - Bá - Nhạ (phổ)

Cao-bá-Nhạ là con cụ Cao-bá-Đạt, cháu gọi Cụ Bá-Quát bằng chú ruột. Khi cụ Quát bị can về giặc Trâu Trấu, ông bị bắt giam, lúc ở ngục có làm bài biểu trần tình bằng quốc âm, lời lẽ rất thống thiết, nay vẫn còn truyền tụng.

Cao - Thắng (phổ)

Cao-Thắng người làng Lê-Động, huyện Hương-Sơn, tỉnh Hà-Tĩnh. Người tướng ngũ đoản mà tri dũng kiêm toàn. Khoảng năm 1885, ông mới 10 tuổi, đi theo cụ Phan-dinh-Phùng khởi nghĩa cần vương. Đúc được súng theo kiểu súng Pháp. Trong khi đóng

quân ở Vụ - Quang, ông lập rất nhiều chiến - công oanh - liệt. Năm 1893, ông thân cầm quân tiến đánh Nghệ - An, bị quân Pháp bắn trúng đạn mà chết, mới có 29 tuổi. Cụ Phan rất thương tiếc, như người mất một cánh tay.

Chân Cầm (phố)

Tên một phố cũ của thành phố Hà-nội.

Chi-Lăng (vườn)

Chi-Lăng tục gọi Đồng-mỏ, thuộc Ôn-châu, tỉnh Lạng-Sơn, là một nơi rất hiểm yếu. Lê Đại-Hành phá quân Tống, Trần - hưng-Đạo đuổi quân Nguyên, Lê-thái-Tổ đại phá quân Minh, chém Liễu-Thăng là danh tướng của giặc đều ở đây.

Chí-Linh (vườn)

Tên một huyện thuộc tỉnh Hải-Dương nơi Trần-hưng-Đạo đại phá quân Mông-Cồ. Cũng là nơi Lê-Lai mặc áo hoàng bào giả làm Lê-thái-Tổ, đánh lừa cho quân Minh bắt, chết thay cho vua Lê, để ngài lập nên công nghiệp bình Ngô.

Chu Mạnh Trinh (phố)

Chu - mạnh - Trinh người làng Phú-Thị, phủ Khoái châu, tỉnh Hưng-Yên đỗ Thủ khoa năm Bính-Tuất triều Đồng-Khánh 1886, đỗ Tiến-Sỹ năm Nhâm-Thìn (1892), làm quan đến chức Án-Sát-Sứ. Ông là bậc văn tự tài hoa, sở trường về thơ quốc âm, có tập thơ vịnh Kiều, nay còn truyền tụng.

Chu văn An (phổ)

Chu-văn-An người làng Quang-Liệt, huyện Thanh-Trì, tỉnh Hà-Đông, Cụ là một nhà đạo học, đời Trần-Minh-Tôn (1314-1328) được đón làm Quốc-tử-Giám Tu-Nghiệp, giầy Thái-tử. Đời Trần-Dụ-Tôn (1341-1362) nhà vua trẻ nãi chính-trị, cụ dâng sớ xin chém bảy tên nịnh thần, không thấy giả nhời, bèn treo mũ về ẩn tại núi Chí-Linh, tự hiệu là «Tiêu-ân». Học trò cụ nhiều người thành đạt. Lúc mất, vua Trần truy tặng tên thụy là «Vân-Trinh».

Chùa Vua (phổ)

Chùa Vua tức là đền thờ vua Đế-Thích, một vị cao cò có tiếng, ta thường nói: «cò Đế-Thích». Chùa ở gần đền Trưng-Nữ-Vương thuộc làng Đồng-Nhân. (Trong sách «Công-dư-tiếp-ký» có chép rõ chuyện Đế-Thích cao cò).

Chương Dương Độ (Đường)

Chương-dương-Độ là một bến đò thuộc làng Chương-Dương huyện Thượng-Phúc, Phủ Thường-Tín tỉnh-Hà-đông, đối ngạn với Hàm-tử-quan. Đời Trần-Nhân-Tôn (1278-1992) quân Mông-Cồ sang xâm lấn, Trần-nhật-Duyệt đánh tan quân giặc tại đây. Trần quang Khải đã có thơ:

«Chương-Dương cướp đảo giặc,

«Hàm tử bắt quân Hồ,

«Thái bình nên gắng sức,

«Non nước ấy ngàn xưa.

Cao - Đạ (phố)

Một nhà cách-mạng khoảng năm 1889 — 1891, có công kháng chiến rất anh dũng, sau phải bắt ở Thanh-Hóa bị tử hình.

Cát - Linh (phố)

Tên một phố cũ của Hà-nội

Châu - Long (phố)

Vì trong phạm vi phố có chùa Chân-Long.

Chung - Yên (phố)

Tên một phố cũ của Hà-nội.

D

Diên-Hồng (Vườn)

Diên-Hồng là một cung điện của vua nhà Trần. Năm Giáp-thân đời Trùng-Hưng (1234) quân Mông-Cồ sang xâm lăng nước ta, vua Trần-Nhân-Tôn triệu các kỳ lão dân gian họp tại điện Diên-Hồng ban cho ăn yến, rồi hỏi ý kiến nên đánh giặc hay nên hàng. Các phụ lão muôn miệng một nhời tâu xin đánh giặc. Kết quả đánh phá được quân Nguyên, giữ vững được nền độc lập nước nhà.

Duy-Tân (phố và ngõ)

Duy-Tân húy là Vĩnh-San, con thứ năm vua Thành-Thái, là ông vua thứ 9 triều nhà Nguyễn. Được lập làm vua từ năm Đinh-

Vị (1907) Ngài là một ông vua thông minh khí khái, người Pháp rất kính trọng. Hồi Âu chiến năm 1926, chính phủ Pháp lấy lính Đông-Dương sang đánh quân Đức, bấy giờ có Trần-cao-Vân mật tâu xin dùng ngay lính ta để đánh quân Pháp lấy lại chủ quyền. Việc chưa thành thì mưu bị lộ, Trần cùng các chí-sỹ bị bắt, đều tử nạn. Ngài bị phế, người Pháp đem an trí tại đảo Réunion.

Dã-Tượng (phổ)

Dã-Tượng là đầy tớ (gia nô) của Trần Hưng - Đạo - Vương không rõ tên và quê quán, có sức khỏe, rất trung thành, cùng với Yết-Kiên theo Hưng-Đạo-Vương đánh quân ngoại xâm Mông-Cồ, lập được nhiều chiến công. Khi mất được phong Phúc-thần.

Dân - Quyền (Đại - lộ)

Dân quyền nghĩa là quyền của dân, ý nói dân chúng đều có quyền lợi tự-do và độc-lập của trời đã phú cho. Thuyết dân quyền xưa nay bàn cãi không nhất định, đến Lu-Thoa mới rõ ràng.

D

Đại - Cồ - Việt (Đường)

Đại-Cồ-Việt là quốc hiệu do vua Đinh-Tiên-Hoàng dựng nên từ năm Kỷ-Tỵ (967) sau khi đã bình định Thập-nhị Sứ-quân, thống nhất thiên hạ, lập nền chính thống nước ta.

Đại - La (Đường)

Đại-La là tên thành của Hà-nội ngày xưa. Hồi nước ta thuộc nhà Đường bên Tàu đô-hộ, khoảng năm 767, Kinh-Lược - Sứ của Tàu là Trương-bá-Nghi bắt đầu đắp La-thành. Đời Hàm-Phong, (886) Tiết-Độ-Sứ của Tàu là Cao-Biên đắp lại La-Thành, chu vi non cây số. Từ năm 1010 trở về sau, Thăng-Long thành nơi Kinh - Đô, La - thành đều được các triều tu trúc; đến đời Pháp thuộc, La-thành mới bị phá bỏ.

Đào - duy - Từ (phổ)

Đào-duy-Từ người xã Hoà-Trai, huyện Ngọc-Sơn, tỉnh Thanh Hóa, sinh vào đời Lê - thánh - Tôn (1619 — 1742), vì là con nhà trèo hát, không được đi thi, ông phần chí vào Thuận - Hóa, theo chúa Nguyễn-Hoàng, được dùng làm Nội-tán, tham dự quân cơ. Có công đắp lũy từ cửa bể Nhật-Lệ đến núi Đâu-mâu, làm giới hạn hiểm yếu cho hai xứ Nam, Bắc ngày xưa. Ông là bậc khai quốc công thần thứ nhất đời nhà Nguyễn.

Đặng - Tất (phổ)

Đặng-Tất người huyện Thiên-Lộc, tỉnh Nghệ - An. Đời cuối nhà Trần, làm chức Tri - Châu. Khi nước ta thuộc nhà Minh bên Tàu, khoảng năm 1407, ông theo Trần Giản-Định khởi binh ở Mô-Độ, huyện Yên - Mô, tỉnh Ninh - Bình đánh nhau với quân Minh, nhiều trận rất oanh liệt. Sau Trần Giản - Định nghe nhời gièm pha của bọn thị-thần, ngờ ông chuyên quyền, nên ông bị giết oan.

Đặng Dung (phổ)

Đặng-Dung là con Đặng-Tất, sau khi Đặng-Tất bị giết, ông phần khích bỏ về Thanh Hóa, lập Trần - quý - Khoáng làm vua,

chống nhau với quân Minh, đã một lần sắp bắt được tướng Minh là Trương Phụ. Sau bị quân Minh bắt, ông cùng Trần-quý-Khoảng gieo mình xuống sông tự tận. Có bài thơ « cảm hoài » rất bi tráng, còn truyền tụng đến ngày nay.

Đặng - trần - Côn (phổ)

Đặng-trần-Côn người làng Nhân-mục, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà-dông, sinh vào đời Lê Dụ-Tôn (1705 - 1718) đỗ Hương-Cống, làm quan đến chức Ngự-Sử-Đài-Chiếu-Khám. Ông có soạn cuốn « Chinh-phụ-ngâm » chữ Hán, theo điệu « Cỗ-nhạc-phủ » và thơ Lý-Bạch, bà Đoàn-thị-Điễm dịch ra quốc âm theo lối song thất lục bát, còn truyền tụng đến bây giờ.

Đặng - Thái - Thân (phổ)

Đặng-Thái-Thân người tỉnh Nghệ-An, đồng thời với Phan-Sào-Nam ; có chí phục quốc, trong hồi Pháp thuộc, âm kết đồng chí đảng Nam-Nghĩa, việc tiết lộ, người Pháp đem binh vây bắt, ông tự sát không chịu nhục.

Đinh - Tiên - Hoàng (phổ)

Đinh-Tiên-Hoàng tên là Bộ-Lĩnh, người xã Đại-Hữu (ngày xưa là Đại-Hoàng), huyện Gia-viễn, tỉnh Ninh-Bình, thuở nhỏ đi chăn trâu, cùng lũ mục đồng bẻ bông lau làm cò tập trận. Lớn đi theo Trần-minh-Công, đánh đâu được đấy, tự hiệu là Vạn-Thắng Vương. Bình định 12 sứ-quân, thống nhất thiên hạ, lên ngôi Hoàng-đế đóng đô ở Hoa-Lư, đặt quốc hiệu là Đại-Cồ - Việt, đặt niên hiệu là Thái-bình, ở ngôi 12 năm (968-979). Ngài là một vị đế-vương mở nền chính - thống trước hết trên lịch sử Việt - Nam. Có lăng và đền thờ tại xã Trương-Yên-Thượng tỉnh Ninh-bình. Đệ niên đến tháng 2 mở hội Trương - Yên, có đông khách thập phương về chiêm bái.

Đinh-công-Tráng (phổ)

Người làng Nham-chàng, tổng Cầm-bối, huyện Thanh-liêm, tỉnh Hà-Nam, là một viên Cai-tổng cựu. Tham-gia công việc cần-vương ở Thanh-hóa khoảng năm 1887. Lập chiến lũy Ba-Đình vô cùng lợi hại. Đối phương bị hao tổn rất nhiều vì lâu lắm mới phá nổi. Sau bị đạn mất đêm mồng 5 tháng 10 năm 1887.

Đinh-Lễ (phổ)

Đinh-Lễ người ở Thụy-Sách, Lam Sơn, cháu gọi Lê-thái-Tô bằng cậu. Hồi nước ta thuộc Minh, ông theo cậu khởi nghĩa đánh quân ngoại xâm, có công bắt được Chu-Kiệt, chém được Hoàng Thành, phá được Trương Hùng, giết được Trần-Hợp, Lý Lượng đều là những danh tướng của nhà Minh. Sau trận đánh ở Tây-phù-Liệt, ông bị thua phải rút lui, cưỡi voi sa lầy bị giặc bắt, ông không hàng đành chịu chết, được truy phong làm Liệt-Hầu.

Đinh Liệt (phổ)

Đinh-Liệt là em ruột Đinh-Lễ, cùng anh theo cậu khởi nghĩa đánh quân Minh. Trận đánh ở cửa ải Chi - Lăng, có công chém được Liễu-Thăng là kiện tướng của giặc, được liệt vào hạng đệ nhất công thần. Đời Lê Thái-Tôn có công đánh Chiêm - Thành. Khi Nghi-Dân cướp ngôi, ông cùng Lê Sý xướng nghĩa trừ nghịch. Đời Lê Thánh-Tôn có công phụ chính. Lúc mất được truy tặng là Mục-Vương.

Đoàn - thị - Diễm (phổ)

Đoàn-thị-Diễm hiệu là Hồng-Hà-Nữ - Sử người làng Hiếu-Phạm, huyện Văn-Giang, tỉnh Bắc-Ninh, vợ thứ ông Nguyễn-Kiều, đỗ Tiến sỹ đời Lê Dụ-Tôn, em gái Đoàn-trác-Luân. Bà là một nữ-sỹ

có tiếng hay chữ như Tô-Tiểu-Muội đời nhà Tống bên Tàu. Tác phẩm của bà có tập « Tục-truyền-kỳ » và bản dịch Chinh-phụ-ngâm (của Đặng-trần-Côn) ra quốc âm, đến nay còn truyền tụng.

Đoàn - trần - Nghiệp (phố)

Đoàn-trần-Nghiệp tức Doãn tức Ký - Con, người làng Khúc-Thủy, huyện Thanh-Oai, tỉnh Hà-Đông. Một đảng viên quan trọng của Việt-Nam Quốc - Dân - Đảng. Khi đảng mới thành lập (1927) Ký - Con mới 17 tuổi, được xung vào đoàn học sinh, làm việc trong cơ quan tuyên truyền Trung-ương và giữ chức thư-ký coi kho Việt-Nam Khách-Sạn là cơ quan kinh tế của đảng, cái tên « Ký-Con » là bắt đầu được gọi từ hồi ấy. Sau xung vào ban ám-sát, chính Ký-Con đã bắn chết Nguyễn - đức - Kính là tên phản đảng tại vườn Bách-Thảo Hà-nội. Sau bị bắt ở Nam-Định, bị khép án tử hình.

Đội - Cung (phố)

Đội - Cung tức Nguyễn - văn - Cung, người đứng khởi nghĩa ở Đô-Lương, trong năm 1941, chống Đế-quốc Pháp. Cuộc khởi nghĩa này nổi lên vào hồi Thái-Lan đánh Pháp ở Cao-Miên, dư luận thế giới rất chú ý.

Đông - Kinh Nghĩa - Thục (vườn)

Tên một trường học tự do các nhà văn - thân cách mạng lập ra từ năm 1907, cụ Nguyễn-Quyền tức Huấn-Quyền làm giám-đốc cốt để đào tạo thanh-niên cách-mạng, lựa những người có tài trí cho xuất dương du học.

Đội-Căn (Đường)

Đội-Căn tên là Trịnh-văn-Căn, người làng Yên - Nhiên, phủ Vĩnh-Tường, tỉnh Vĩnh-Yên. Năm ngoài 20 đã ứng mộ đi lính khổ xanh, khoảng năm 1909, đóng tại Thái-Nguyên, có công trận mạc,

được đóng Xuất - Đội. Ông vốn có tư tưởng cách mệnh, mật giao thông với mấy nhà chính trị phạm trong ngục Thái-Nguyên như Lương-ngọc-Quyên và ông Tú Hồi-Xuân. Tháng 7 năm Đinh-Ty (1917), ông cùng anh em binh lính khởi nghĩa đánh lấy tỉnh Thái-Nguyên, giữ được 7 ngày thì bị cướp lại, ông đem nghĩa binh rút vào rừng, đến tháng giêng năm sau (1918) thì mất.

Đình-Ngang (phố)

Tên một phố cũ của Hà-nội, nhân nơi có ngôi đình ở ngang đường, nên gọi tên là Đình-Ngang. Tương truyền ngày xưa thường dùng đình ấy làm chỗ hội họp và nơi niêm yết các công văn. Vì bây giờ nơi này là trung độ.

Đoàn-Nhữ-Hài (phố)

Đoàn-Nhữ-Hài người làng Trường-Tân, Hồng-Châu, thuộc tỉnh Hải-Dương bây giờ. Đời Trần-Anh-Tôn, du học ở Kinh, một hôm Thượng-Hoàng nhà Trần tự Thiên-Trường về, đi xem xét các cung điện, thấy Anh-Tôn rượu say nằm ngủ li bì, ngài cả giận, hạ lệnh cho các quan theo cả về Thiên-Trường. Lúc tỉnh giậy. Anh-Tôn chạy đi tìm bách quan không một ai, chỉ gặp có một mình Nhữ-Hài, hỏi biết là học sinh liền nhờ làm tờ biểu tạ tội, Nhữ-Hài theo nhà vua về Thiên-Trường đội biểu quý ở giữa sân, mãi đến chiều, mưa gió sắp tới, Thượng-hoàng mới sai thu tờ biểu, xem ra lời lẽ khẩn thiết, bèn cho Anh-Tôn phục vị và ban khen Nhữ-Hài. Trở về kinh, Nhữ-Hài được đặc cách bổ làm quan Ngự-Sử-Trung-Tán. Vì còn ít tuổi, người ta chế là « Quan Ngự-sử họ Đoàn miệng còn hơi sữa ». Sau làm Đốc-tướng đi đánh Ai-Lao bị bại trận chết đuối.

Đỗ Hành (phố)

Tướng của Trần-Hưng-Đạo-vương, ngang hàng với Nguyễn-Khoái, có nhiều chiến công. Trong dịp kháng chiến quân Mông-Cồ.

chính Đổ-Hành đã bắt được Ô-Mã-Nhi và Tích-lệ-Cơ đem dâng Trần-Thánh-Tông khi thắng trận Bạch-đăng-giang.

Đồng Xuân (phố)

Tên một phường của Hà-nội ngày xưa. Trong phạm vi phố có khu chợ to nhất Hà-thành tức là chợ Đồng-Xuân.

Đồng-Nhân (phố)

Đồng-Nhân là một làng thuộc huyện Thọ-xương tỉnh Hà-Nội ngày xưa, có đền thờ hai bà Trưng.

Đồng-Khánh (Đại lộ)

Con của Kiên-Thái-Vương và là anh ruột vua Hàm-Nghi, em ruột vua Kiến-Phúc. Ngài là vua thứ 7 triều nhà Nguyễn — kể từ vua Gia-Long — trị vì 3 năm.

G

Gia - Long (Đại - lộ)

Gia-Long là niên hiệu của Thế-Tồn-Cao Hoàng-đế nhà Nguyễn, tên ngài là Nguyễn-phúc-Ánh, nguyên là con cháu chúa nhà Nguyễn ở Trung Nam. Khoảng thế kỷ thứ 18, cơ nghiệp nhà Nguyễn ở trong Nam bị họ Trịnh và Tây-Sơn chiếm đoạt, ngài vất vả về việc binh, hơn 22 năm mới khôi phục được nghiệp cũ, thống nhất cả Trung Nam Bắc, đóng đô tại Thuận - Hóa tức kinh đô Huế, đặt niên hiệu là Gia-Long, trị vì 18 năm, truyền đến đức Quốc-Trưởng bây giờ gồm 11 đời vua.

Gia Ngự (phố)

Tên một phố cũ của Hà - nội.

HI

Hai Bà Trưng (đại lộ)

Hai Bà-Trưng : Chị là Trưng-Trắc, em là Trưng Nhị. con gái quan Lạc-tướng, quê làng Cồ-Lai, huyện Chu-Diên, thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh-Yên bây giờ. Hồi nước ta còn là Giao-chỉ, thuộc dưới quyền cai trị nhà Đông-Hán bên Tàu. Thái - thú là Tô-Định tham tàn rất mực, giết ông Thi-Sách chồng bà Trưng-Trắc, bà cùng em đánh đuổi Tô-Định, lược định 65 thành cõi Lĩnh Nam, tự lập làm vua, đóng đô ở My-Linh, nước ta độc lập bắt đầu từ đây.

Trưng nữ Vương trị vì được 3 năm (40-43 sau Tây-lịch), Hán sai Mã-viện sang đánh, «Cắm khê đến lúc hiểm nghèo, chị em thất thế cũng liều với sông». Nay còn đền thờ hai Bà - Trưng tại Hát-Môn (Sơn-Tây) và Đông-Nhân (Hà-nội). Đệ niên đến ngày mồng 5 tháng 2 là ngày giỗ hai bà, khách thập phương đến chiêm bái rất đông. Quốc dân các địa phương đều có làm lễ kỷ niệm.

Hàm Nghi (phổ)

Vua Hàm-Nghi húy là Ưng-Lịch, con giai Kiên-thái-Vương, em ruột các vua Kiến-Phúc và Đồng-Khánh. Năm lên ngôi mới 12 tuổi. Năm 1885, Kinh thành Huế thất thủ, Tôn-thất-Thuyết phò ngài lánh lên các xứ Mường, Mọi, hạ chiếu cần vương, mong khôi phục nền độc lập. Sau vì tên Trương-quang-Ngọc làm phản, quân Pháp bắt được ngài, đem an trí tại xứ Algérie (1889)

Hàm - tử - Quan (Đường)

Hàm-tử-Quan thuộc huyện Đông-Yên tức phủ Khoái - châu, tỉnh Hưng-Yên bây giờ, đối ngạn với bến dò Chương - Dương. Khoảng năm Ất Dậu, (đời Trùng - Hưng nhà Trần, 1285), Trần-nhật-Duật đánh phá quân Toa-Đô nhà Nguyên ở đây. Trần-quang-Khải đã có bài thơ kỷ công.

Hàn - Thuyên (phổ)

Hàn-Thuyên nguyên họ Nguyễn, người huyện Thanh-Lâm tức phủ Nam-Sách tỉnh Hải-Dương bây giờ. Đỗ Thái-học-Sinh (Tiến-sỹ) đời Trần Thái-Tôn (1225 — 1257). Bấy giờ có ngạc ngư (cá sấu) vào sông Phú-lương (Nhị-Hà), vua sai làm văn tế ném xuống sông, cá tự nhiên đi. Cho là việc giống như Hàn-Dũ đời nhà Đường bên Tàu, nhà vua cho là họ Hàn nên gọi Hàn-Thuyên. Ông hay làm thơ phú, văn quốc âm của ta bắt đầu có tự đấy, nên người ta gọi thơ nôm là « Hàn-luật ».

Hoàng - Diệu (đại - lộ)

Hoàng-Diệu nguyên tên là Hoàng-kim-Đích, tự là Quang-viến. Người làng Xuân-Tài, phủ Điện-Bàn, tỉnh Quảng - Nam đỗ Phó-bảng khoa Quy-Sửu triều Tự-Đức (1853). Năm Canh-Thìn (1880) được cử làm Tổng-đốc Hà-Ninh, (Hà-nội — Ninh - Bình). Năm Nhâm-Ngọ (1882), quân Pháp đánh thành Hà-nội, cụ thề với thành cùng còn mất, ngày mùng 8 tháng 3 bồng kho thuốc súng trong thành cháy quân Pháp kéo vào được, cụ viết biểu để lại rồi đến Võ-miếu tự ải. Năm ấy 54 tuổi. Nay có đền thờ cùng với cụ Nguyễn - tri-Phương ở Thái Hà-Ấp gọi là đền Trung-Liệt.

Hoàng - Hoa - Thám (đường)

Hoàng-hoa-Thám chính tên là Trương-văn-Thám người thôn Ngọc-Cục, phủ Yên-Thế, tỉnh Bắc-Giang. Năm 20 tuổi, theo làm bộ hạ Trần-quang-Loan, chống với quân Pháp, được trao chức Lãnh-Binh. Sau theo cha nuôi là Ba-Phúc sang Vân-Nam giúp Cai-Kinh là đầu đảng Đồng-Nai bên Tàu, mới đổi tên là Hoàng-hoa-Thám. Khi Cai Kinh thất bại, ông trở về nước khởi nghĩa, chiếm đóng phủ Yên-Thế từ năm 1838, chính phủ Pháp đánh mãi không rỗi, phải

chiêu hàng, nhường cho ông được thu thuế 22 làng ở Nhã - Nam. Năm 1909, ông bị thua mất Yên-Thế, phải lui về đóng ở vùng Phúc-Yên, đến năm 1913 thì mất.

Hồ Xuân Hương (phố)

Hồ-xuân-Hương là con gái Hồ-phi-Diển, quê làng Quỳnh-Đôi, huyện Quỳnh-Lưu, tỉnh Nghệ-An, sinh vào khoảng cuối Lê đầu Nguyễn (1787-1788). Bà học rộng, có tài văn thơ, nhất là thơ quốc âm, nhiều bài có vẻ trai lơ trào phúng, còn truyền tụng đến bây giờ.

Hùng-Vương (Đại lộ)

Hùng-Vương là con trưởng Lạc-Long-Quân, trong số 50 con theo cha về phương nam, nối ngôi vua, đặt quốc hiệu là Văn-Lang, đóng kinh đô ở Phong-châu (thuộc khu vực các tỉnh Phú-Thọ, Vĩnh Yên bây giờ). Truyền 18 đời đều lấy hiệu là Hùng - Vương. Nay làng Cổ-Tích phủ Lâm-Thao có núi Hùng - Sơn, trên có lăng và miếu thờ vua Hùng-Vương. Đệ niên mồng 10 tháng 3 là ngày giỗ tổ, có làm lễ kỷ niệm rất long trọng, quốc dân đến chiêm bái rất đông.

Hội Vũ (ngõ)

Tên một phố cũ của Hà-nội.

Hồng-Bàng (Vườn)

Hồng-Bàng là họ Kinh-Dương-Vương, vua thủy-tổ nước ta, nguyên là cháu bốn đời vua Thần-Nông bên Tàu được phân phong sang phương nam, con là Lạc-Long-Quân sinh nở ra dòng Bách-Việt cách đây vào khoảng hơn 4.000 năm. Ngày nay dân tộc Việt nam ta, nếu truy nguyên ra thì đều là con cháu họ Hồng-Bàng cả.

Hồng-Phúc (Phố)

Hồng-Phúc là tên một ngôi chùa về đời nhà Lý, tức là chùa Hoè-Nhai mà ta quen gọi là Hoà-Giai phố hàng Than bây giờ.

Huyền-Trân Công-Chúa (Phố)

Huyền-Trân Công-Chúa con gái vua Trần Anh-Tôn. Khoảng năm Hưng-Long thứ 14, vua Chiêm-Thành là Chế-mân xin dâng vàng bạc và 2 châu Ô, Lý làm sính lễ, nhà vua cho đưa Huyền-Trân Công-Chúa sang kết hôn với chúa Chiêm và sai Đoàn-Nhữ-Hài đến nhận 2 châu Ô, Lý, phủ dụ cư dân. Chưa bao lâu, chúa Chiêm mất, nhà vua lại sai Trần-khắc-Chung dả danh sang viếng, rồi thừa cơ đem Công-chúa lên về. Hai châu Ô, Lý tức là đất Thuận-Hóa bây giờ, bắt đầu thuộc về bản đồ Việt-Nam từ hồi ấy.

Hà-Trung (Phố)

Tương truyền phố này ngày xưa ở giữa Hà-Nội, có nhà trạm đặt ở đấy, nên gọi là Hà-Trung cũng có tên là Ngõ-Trạm.

Hà-Hồi (Xóm)

Một làng thuộc phủ Thường-tín tỉnh Hà-dông bây giờ, nơi vua Quang-Trung đại phá quân Thanh khoảng năm 1779.

Hồ Hoàn-Kiểm (Phố)

Tục truyền khi vua Lê-thái-Tổ mới khởi nghĩa ở Lam-Sơn, có bắt được thanh bảo kiếm, sau khi bình định thiên hạ, một hôm ngài ngự thuyền chơi trên hồ Tả-Vọng, (tức hồ Hoàn-Kiểm), bỗng thấy có con rùa to nổi lên mặt nước, ngài cầm bảo kiếm chỏ, bị rùa đớp lấy gươm rồi lặn xuống nước mất, nhân thế mới đặt tên Hồ là Hoàn-Kiểm, nghĩa là trả lại gươm.

K

Kính-Thiên (Vườn)

Kính-Thiên là tên điện từ đời nhà Lê (1428-1787) ở trong Hoàng thành Thăng-Long, tựa theo núi Nùng trông ra cửa nam (phía có cột cờ), nay cố chỉ đều đã biến cải.

Khúc Hạo (phổ)

Khúc-Hạo người Hồng-Châu tức phủ Bình giang, tỉnh Hải-Dương bây giờ. Hồi nước ta bị nhà Đường bên Tàu đô hộ (621-906), ông giữ La-thành (Hà-Nội) xưng là Tiết-Độ-Sứ, chia ra các lô, phủ châu, xã, đặt các chức Lệnh-trưởng, Chánh-tá để trị dân. dựng sổ hộ tịch biên chép họ tên quê quán, giao các Giáp-trưởng coi giữ. Chính sách khoan-hòa, sưu thuế giản dị, dân gian nhờ đó làm ăn vui vẻ. Sau khi mất, con là Khúc thừa Mỹ nối nghiệp, bị Nam-Hán đánh bắt, nước ta lại bị thuộc Tàu.

Kỳ-Đồng (phổ)

Kỳ-Đồng chính tên là Nguyễn-Cầm, người làng Trung-lập, huyện Duyên-hà, tỉnh Thái-bình, con một nhà nho thông minh từ thừa bé, lên năm đã biết làm câu đối. Có người ra câu đối: Đứng giữa làng Trung-lập. Kỳ-Đồng đối ứng khẩu: Dậy trước phủ Tiên hưng. Lại có người ra: Tây Bắc sang Nam Đông đảo-đề, Kỳ-Đồng đối: Ngựa Xe theo Tướng Tốt làm sao. Sau sang Pháp học đỗ Tú-tài. Khi trở về nước, đi làm đồn điền ở Yên-thế, kết liên với Đề-Thám mưu đánh các tỉnh Hải-dương, Thái-bình và Nam-dịnh, việc bại lộ bị bắt đày đi Tahiti.

Kim-Liên (phổ)

Tên một làng thuộc thành phố Hà-nội.

L

Lê-Chân (Phở)

Lê-Chân là nữ-tướng của Bà-Trung. Hồi hai bà khởi nghĩa đánh đuổi Tô-Định, bà được xưng chức tỳ-tướng, coi đội nữ-binh, mỗi khi lâm trận, bà thường đi tiên-phong, lập được rất nhiều chiến công oanh liệt. Nay có đền thờ tại An-Biên hộ lục thành phố Hải-Phòng, tức là « Đền Nghè », một ngôi đền có danh tiếng ở Cảng.

Lãn-Ông (Phở)

Lãn-Ông tên là Lê-hữu-Trác, biệt hiệu Hải-Thượng-Lãn-ông, người làng Liêu-Xá huyện Đường-Hào (tức Mỹ Hào) tỉnh Hưng-Yên bây giờ. Cụ là một nhà đại danh-y kiêm thi-sỹ nước ta về cuối đời nhà Lê. Có bộ sách thuốc «Hải-Thượng-Lãn-Ông» truyền đến bây giờ, các thầy lang ta đều phải học.

Lê-Đại-Hành (Đại lộ)

Lê-Đại-Hành tên là Lê-Hoàn, người làng Bảo-Thái (tức là Ninh-Thái) thuộc huyện Thanh-Liêm, tỉnh Hà-Nam bây giờ. Làm quan Thập-Đạo-Tướng-Quân nhà Đinh, vua Đinh mất, tự-quân còn nhỏ, quân nhà Tống bên Tàu sang xâm lấn, ngài đem binh đón đánh, phá được quân Tống ở cửa ải Chi-Lăng, cùng cố được nền độc lập cho nước ta. Bọn Phạm-cự-Lạng phò lêm làm vua thay nhà Đinh. Ở ngôi 23 năm (980-1004), nay có đền thờ tại làng Trường-Yên hạ (Ninh-Bình).

Lê-Lai (phở)

Lê-Lai người Đức-Giang, thôn Dung-Tú, huyện Thụy-Nguyên, tỉnh Thanh-Hóa. Theo Lê Thái-Tổ đánh nhau với quân Minh bị thua chạy vào núi Chí-Linh, giặc kéo đến vây rất nguy cấp, ông tình

nguyện đổi áo hoàng bào dả làm Lê-thái-Tồ ra khiêu chiến, bị bắt ngộ hại. Lê-thái-Tồ có dịp trốn thoát, dưỡng uy sức nhuệ, thu phục giang sơn. Sau khi bình định thiên hạ, luận công đánh giặc, ông được liệt vào hạng đệ nhất công thần, truy tặng Đại-Vương.

Lê - như - Hồ (phố)

Lê - như - Hồ người làng Tiên - Châu, huyện Tiên - Lữ, tỉnh Hưng-Yên, đỗ Tiến-sỹ khoa Tân-Sửu đời Mạc-phúc-Hải (1541). Có tiếng là người ăn khỏe, khi sang sứ Tàu, vua Tàu sai làm cỗ 18 tầng để khoản đãi, ông bắc thang trèo lên ăn, cứ ăn hết một tầng lại thu đĩa bát ném xuống. Khi ăn đến tầng dưới cùng, thấy 4 cái đầu lâu người, ông biết là thứ cá « nhân đầu-ngư » mà người Tàu dùng để thử mình, nên cứ ăn uống tự nhiên, không hề sợ hãi, người Tàu phải kính phục.

Lê - phụng - Hiểu (phố)

Lê-phụng-Hiểu người làng Bãng-Sơn, huyện Hoảng-Hoá, tỉnh Thanh-Hoá, có sức khỏe, mỗi bữa ăn hàng mấy đấu gạo. Làm quan đời nhà Lý, khi Lý-thái-Tôn mới lên ngôi (1028), ba em làm loạn, ông đem binh dẹp yên, không chịu nhận công phong thưởng, chỉ xin đứng trên núi ném dao, rơi đến đâu thì cho nhận ruộng đến đấy. Kết quả ông ném một nhát dao được hơn 10 dặm tư điền làm ruộng thế nghiệp. Người ta đặt tên là « ruộng ném dao ».

Lê - quý - Đôn (phố)

Lê-quý-Đôn tự là Doãn-hầu, hiệu là Quế-Đường. người làng Duyên-Hà, tỉnh Thái - Bình bây giờ. Đỗ Bãng - Nhỡn năm Cảnh-Hung thứ 13 đời Lê-Hiến-Tôn (1753), làm quan đến chức Thượng-Thư, có tiếng là người học rộng nhớ lâu, trước thuật khá nhiều truyện sách, còn truyền đến bây giờ. Nhiều bài quốc âm có bổ ích cho nền quốc văn ngày nay.

Lê Thái - Tô (phổ)

Lê Thái-Tô húy là Lê - Lợi, người làng Lam-Sơn, huyện Thụy-Nguyên, tỉnh Thanh-hóa, hồi nước ta thuộc Minh (1414-1428) ngài khởi binh tại Lam-Sơn là quê nhà, xưng là Bình-định-Vương. Đánh nhau với quân Minh trong 10 năm, nhiều phen rất gian nguy, nhiều trận rất oanh liệt. Kết quả đuổi được người Minh về nước, đại định thiên hạ, ở ngôi 6 năm (1428-1433), truyền 28 đời vua, cộng 345 năm. Ngài là bậc cứu quốc đại anh hùng của nước ta về thế kỷ thứ 15 vậy.

Lê Thạch (phổ)

Lê Thạch là con nhà anh của Lê Thái-Tô, theo chú khởi nghĩa ở Lam Sơn, mỗi khi ra trận đánh nhau với quân Minh, ông thường đi tiên phong, lập được nhiều chiến công rực rỡ. Sau đi đánh Ai-Lao bị trúng tên tử trận, truy tặng Trưng-võ-vương.

Lê - Thánh - Tôn (phổ)

Lê Thánh-Tôn húy là Tư-Thành, vua thứ tư triều nhà Lê, ở ngôi 38 năm (1460-1497). Trong sử chính trị, ngài diệt Chiêm-Thành, mở rộng đất đai, trở nên một đời thịnh trị. Ngài lại là bậc đế vương hiếu học, ngự chế ra 9 bài hát gọi « Quỳnh Uyển Cửu Ca » phá vào từ khúc, tự xưng là « Tao-Đàn Nguyên-Súy », kén 28 văn thần dự vào văn-đàn, gọi là nhị thập bát tú, vua tôi xướng họa, ca tụng thái bình. Ngài là một ông vua gồm đủ văn-trị võ-công xưa nay ít có vậy.

Lê Trục (phổ)

Lê Trục người Thanh Thủy, tỉnh Quảng-Bình, về cuối triều Tự-Đức, làm Đề-Đốc Hà-nội, khi quân Pháp hạ thành bị triệt hồi. Năm 1885, kinh đô Thuận-hóa thất thủ, vua Hàm-Nghi xuất bôn

ông ứng chiếu cần vương, Khởi nghĩa ở Quảng-Bình, giữ mặt sông Gianh, người Pháp mấy lần đưa thư chiêu dụ, ông đều kháng cự. Sau vua Hàm Nghi bị bắt đem đi an trí (1888), ông lui về ẩn tại quê nhà, không chịu ra làm quan với tân-triều.

Lê-văn-Hựu (phố)

Lê-văn-Hựu người làng Phu-Lương, huyện Đông-Sơn, tỉnh Thanh-Hóa, 18 tuổi đỗ Bảng-Nhơn đời Trần Thái-Tôn (1225 - 1257), làm quan đến chức Thượng-thư, phong tước Nhân-Uyên Hầu. Ông là một sử gia, tác giả bộ «Đại - Việt - Sử-Ký» (từ đời Triệu-Vũ-Đế đến đời Lý Chiêu-Hoàng).

Lý Đạo Thành (phố)

Lý Đạo Thành người đồng tông nhà Lý, phụ chính Lý Nhân Tôn, làm quan đến chức Thái-phó, Triều chính có nhiều việc kiến minh, đứng đầu bọn tôn thần đời bấy giờ.

Liên Trì (phố)

Tên một làng thuộc thành Hà-nội.

Lương-Yên (Đường)

Tên một làng thuộc thành phố Hà-nội.

Lý - Quốc - Sư (phố)

Lý Quốc-Sư tức nhà sư Vạn-Hạnh, họ Nguyễn, người làng Cồ-Pháp, tỉnh Bắc-Ninh cùng làng với Lý Thái-Tổ, rất tinh thông về Thiên-học phát ngôn phần nhiều thành «sấm». Đời Lê-Đại-Hành thường được chiếu vào cố vấn. Khi Lý-Thái-Tổ thay nhà Lê, được phong làm Quốc-Sư, nay còn đền thờ tại phố ấy.

Lý Thái - Tồ (Đại lộ)

Lý Thái-Tồ húy là Công - Uân, người làng Cồ - Pháp, tỉnh Bắc-Ninh, làm quan Chỉ-huy-Sứ đời nhà Lê, khi Lê Ngọa-Triều mất, tự-quân còn nhỏ, lữ Đào-Cam-Mộc phò lên làm vua, thiên kinh-đô từ Hoa-Lư (Ninh-Bình) ra Thăng-Long, Hà-Nội bắt đầu thành kinh-đô từ đây. Ở ngôi 18 năm (1909-1028), truyền 8 đời vua, cộng 215 năm. Các vua nhà Lý này còn có đền thờ tại làng Đình-Bảng, tỉnh Bắc-Ninh, gọi là đền « Lý-Bát-Đế ».

Lý - Thường - Kiệt (Đại lộ)

Lý-Thường-Kiệt người phường Thái-Hòa, huyện Vĩnh-Thuận Hà-nội ngày xưa, xuất thân là một hoạn-quan đời nhà Lý, khoảng năm Thiên-Huống Bảo-tượng thứ hai (1068), làm tiên phong đi đánh Chiêm-thành, bắt được vua Chiêm là Chế-Củ. Đời Lý Nhân-Tôn (1072-1127), người Tống có ý khiêu-khích, ông phụng mệnh cùng Tôn-Đản chia đường sang đánh Tống, hãm hai châu Khâm, Liêm (thuộc Quảng-Đông), lại vây Ung-châu hơn 10 ngày, quân Tống chết đến hơn 10 vạn người. Bấy giờ truyền tụng là võ công thứ nhất trong lịch sử Trung-Việt chiến tranh.

Lý - văn - Phức (phổ)

Người làng Hồ - Khẩu ngoại thành Hà-nội bây giờ, đỗ Cử nhân triều Gia-Long, làm quan rất có đức độ. Ông có văn tài, có tập Nhị thập tứ hiếu điển âm truyền đến bây giờ.

Lữ - Gia (phổ)

Lữ-Gia là tể tướng đời nhà Triệu (207-111 trước kỷ nguyên). Triệu Ai-Vương cùng mẹ là Cù-hậu mưu đem giang sơn qui phục với Hán, ông can không được, lại bị Cù-hậu mưu-sát, bèn giết sứ

giả nhà Hán cùng mẹ con Cù-Hậu, Lập Kiến-Đức (anh Ai-vương) làm vua, rồi gói cờ tiết của sứ Tàu đem dể trên cửa ải, vua Hán cả giận, sai Lộ-Bác-Đức đem binh sang đánh, quân ta thua, bỏ thành chạy, ông bị ngộ hại. Nay còn đền thờ ở dưới núi Gôi, thuộc xã Gôi-Sơn, huyện Vụ bản, tỉnh Nam-định.

Lương - văn - Can (phố)

Lương-văn-Can người làng Nhị-Khê, huyện Thượng - Phúc tức Phủ Thường-Tín, tỉnh Hà-dông bây giờ. Đỗ Cử-nhân năm Giáp-Tuất triều Tự Đức (1874). Vì có chân trong «Đông Kinh Nghĩa Thục», lại có hai con sang Nhật, nên cụ vẫn bị tình nghi. Năm 1913, sảy có việc ném bom giết Tuần phủ Nguyễn-duy Hàn ở Thái Bình và võ quan Pháp ở Hà nội, cụ bị bắt và bị khép án lưu đày, an trí tại Nam Vang (Cao Mên), về được vài năm thì mất (Khoảng năm 1927).

Lương - Ngọc - Quyên (phố)

Lương-ngọc-Quyên hiệu là Lập-Nham, con cụ Lương-văn-Can kê cả con gái thì về hàng thứ ba, nên người ta quen gọi là Ba-Quyên. Năm 1905, sang Nhật học trường « Chấn-Võ Học-Hiệu » thi tốt nghiệp đỗ đầu. Vì có quốc tịch Trung-Hoa, nên sau khi về Quảng-Đông, được bổ chức Đại-úy. Năm 1914, lên về nước mưu đồ cách-mệnh, rồi lại sang Thượng-Hải, bị Cảnh-Sát Anh bắt giao cho người Pháp đưa về Hà-nội, bị kết án cấm cố chung thân, và phát vãng đi Thái-Nguyên. Năm 1917, Đội-Cấn khởi nghĩa đánh lấy Thái-Nguyên, chính ông chủ mưu. Sau khi ở nhà ngục ra, ông làm quân sư cho quân Phục-Quốc. Khi quân Pháp lấy lại Thái-Nguyên, nghĩa binh rút lui vào rừng núi, ông vì bị xiềng xích đã lâu què liệt một chân không thể đi được, nên mất tại Thái-nguyên.

Lý - Nam - Đế (phổ)

Lý Nam-Đế tức Lý Bôn, người Long hưng, Thái bình, gia thế hào hữu, có tài văn võ. Hồi ấy nước ta thuộc nhà Lương bên Tàu (502-556). Thái thú là Tiêu Tư tham tàn. Ngài khởi binh kết liên mấy châu, đánh đuổi Tiêu Tư về Tàu, vào đóng trong thành Long Biên (Hà-nội). Xưng là Nam đế đặt quốc hiệu là Vạn xuân, niên hiệu là Thiên Đức, ở ngôi được 7 năm.

Lê văn Linh (phổ)

Danh tướng của Lê thái Tổ, có công đánh quân Minh đồng thời với bọn Lê Sát, Nguyễn Xí. đều là những khai quốc công thần.



Mạc đĩnh Chi (phổ)

Mạc đĩnh Chi tự là Tiết-Phu, người làng Lũng Động, huyện Chí-Linh, tỉnh Hải-Dương. Người thông minh có thiên tài đỗ Trạng nguyên đời Trần Anh Tôn, phụng mệnh sang sứ Tàu, lấy văn tự ứng đối, người Tàu phải kính phục. Ông trải thờ ba triều vua Trần Anh-Tôn, Minh Tôn và Hiến Tôn (1293—1340) làm quan đến Tả bộc Sạ (Tể-Tướng) có tiếng là một vị quan thanh liêm.

Mai - hắc - Đế (phổ)

Mai-Hắc-Đế tên là Thúc-Loan, vì mặt sứt da đen, nên gọi là Hắc-đế, người làng Mai-phủ, phủ Đức-Thọ, tỉnh Hà-Tĩnh bây giờ. Hồi nước ta thuộc nhà Đường bên Tàu đô hộ, khoảng năm Khai-nguyên đời Đường Huyền-Tôn (713-739), quan Tàu là

Nguyên-Sơ-Khách tham tàn hà khắc, ngài chiêu tập binh sĩ 32 châu giữ châu thành xưng đế, ngoài giao kết với các nước Tam-ấp, Chân-Lạp, có đến 30 vạn quân. Sau bị tướng nhà Đường là Dương-tư-Húc đánh thua, lui giữ Hưng-sơn, được vài năm thì mất. Nay có đền thờ ở Hưng-sơn.

Mai - xuân - Thương (phố)

Mai xuân Thương người thôn Phú Hạc huyện Luy Viễn, tỉnh Quảng Nghĩa, đỗ cử nhân khoa Ất Dậu triều Hàm-Nghi (1885. Khi kinh thành thất thủ, vua Hàm-Nghi xuất bốn, ông khởi binh cần vương bị thua trận mất.

Mê Linh (vườn)

Mê Linh thuộc địa phận huyện Yên Lãng tỉnh Phúc-Yên bây giờ. Là kinh đô của Trưng-nữ-Vương ngày xưa.

Một Cột (phố)

Một cột là tên một ngôi chùa ở Hà nội, tức là «Nhất Trụ Tự». Chùa làm ở trên một trụ đá giữa hồ, trông như một đóa hoa sen nhô, trên mặt nước. Tương truyền vua Lý Thánh Tôn (1054-1071) đã cao tuổi mà chưa sinh Hoàng tử, một hôm mộng thấy đức phật Quan Âm mời lên chơi tòa sen, trao cho một cậu bé, khi tỉnh giấc, ngài sai dựng chùa tại đấy, phỏng theo hình đóa hoa sen, gọi là chùa «Duyên Hựu», năm sau sinh hoàng tử. — Rõ là chuyện hoang đường.

Mỹ-Quốc (phố)

Mỹ quốc tức nước Hoa-Kỳ, còn gọi là Hợp-Chúng-Quốc. Nay là một nước quan trọng nhất hoàn-cầu. Đất rộng triệu rưỡi cây số vuông dân số 105 triệu người, kinh tế giàu mạnh nhất thế giới.

Ngô Quyền (phổ)

Ngô-Quyền người làng Đương-Lâm, tức là Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây bây giờ, cùng làng với Bồ Cái Đại Vương Phùng Hưng

Khoảng năm 939, đánh giết Kiều-công-Tiến để báo thù cho chủ tướng là Dương-dinh-Nghệ và đánh đuổi được quân Nam-Hán bên Tàu tại sông Bạch Đằng, tự lập làm vua, đóng đô ở Loa-thành (thuộc huyện Đông Anh tỉnh Phúc Yên bây giờ), ở ngôi 6 năm (939-944), đó là vua Tiền Ngô.

Ngô Sĩ Liên (phổ)

Ngô Sĩ Liên người làng Chúc-Sơn, huyện Chương-Đức tức huyện Chương Mỹ tỉnh Hà-Đông bây giờ. Đỗ Tiến Sĩ đời Lê Thái Tôn (1433-1441), làm quan đến chức Thị-Lang kiêm chức Tu soạn sử-viện. Ông là soạn giả bộ Đại Việt Sử-Ký Toàn-Thư.

Ngô Thời Nhiệm (phổ)

Người làng Tả-Thanh-Oai tức làng Tó, thuộc huyện Thanh Oai tỉnh Hà-đông bây giờ. Đỗ Tiến-Sĩ đời Lê Cảnh-Hưng. Sau khi Lê mất, làm quan với Tây-Sơn, sáng kiến nhiều điều chính trị mới. Ông là một nhà ngoại giao có đại tài về đời ấy, đã làm cho vua Thanh phải bỏ cái lệ đòi cống người vàng. Đương cùng vua Quang Trung bàn tính mưu kế đánh lấy Lưỡng Quảng thì vua mất. Sau ông bị Đặng-Trần-Thường trả thù đánh chết. Ai cũng thương tiếc. — Ông là con trai cụ Ngô-thời-Sĩ hiệu Ngô Phong, một Sử quan có giá trị đời Lê.

Ngô văn Sở (phổ)

Ngô văn Sở là một danh tướng triều Tây Sơn. Lúc vua Quang-Trung ra đánh Bắc-Hà, ông được cử làm Tham-tán, rồi được thăng chức Đại-tur-mã, thống lĩnh binh quyền thay Vũ-văn-Nhiệm kiêm chức Trấn-vũ thành Thăng-Long.

Nguyễn - Biều (phổ)

Nguyễn-Biều người xã Yên-Hồ, phủ Đức-Thọ tỉnh Hà-Tĩnh bây giờ. Làm quan Thị-Ngự-Sử đời vua Trùng-Quang nhà Trần (1409), phụng mệnh đi sứ Tàu, khi đến Nghệ-An vào yết kiến tướng nhà Minh là Trương-Phụ, Phụ muốn thử gan, sai dọn cơm có bát canh dầu người nấu chín, ông thò đũa khêu vào hai mắt chấm muối dấm mà ăn và nói: «mấy khi ta được xơi dầu người Ngô», bị Trương-Phụ giữ lại, ông không chịu khuất, chửi mắng luôn miệng, Phụ cả giận giết chết.

Nguyễn-công-Trứ (phổ)

Nguyễn-công-Trứ người làng Uy-Viến, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Hà-Tĩnh. Đỗ Thủ-Khoa năm Gia-Long thứ 18 (1819), làm quan trải ba triều Gia-Long, Minh-Mệnh và Thiệu-Trị, thăng đến chức Thượng-Thư. Khi làm Doanh-điền-sứ Bắc-kỳ, cù mộ dân khẩn ruộng lập ấp ở miền duyên hải, mở ra được hai huyện Kim-Sơn (thuộc Ninh-Bình) và Tiên-Hải (thuộc Thái-Bình), nay thành hai hạt trù phú.

Nguyễn - Chẽ - Nghĩa (phổ)

Nguyễn-chẽ-Nghĩa người làng Côi-Xuyên, huyện Gia-Lộc, tỉnh Hải-Dương bây giờ. Giỏi võ nghệ, thông hiểu thiên văn, hay ngâm vịnh. Khoảng năm Trùng-Hưng thứ 3 đời Trần (1287), quân Mông-Cổ sang xâm lấn nước ta, ông đến dưới cờ Trần-hưng-Đạo tự tiến,

sau khi thử tài, Hưng-Đạo-Vương khen chẳng kém gì Phạm-ngũ-Lão, cất làm Tiênphong. Có công bình Nguyên, được phong tước Nghĩa-Xuyên-Công. Khi mất, được truy tặng An-Nghĩa Đại-vương. Có đền thờ tại làng Kiêu-Kỵ, Bắc-Ninh.

Nguyễn-Du (Phổ)

Nguyễn-Du tự là Tố - Như, biệt hiệu Hồng - Sơn-Liệt-Hộ, người làng Tiên-Điền, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Hà-Tĩnh. Sinh năm Cảnh-Hưng thứ 26 đời Lê (1765). Phụ huynh đều làm quan nhà Lê, cụ bị ép phải ra làm quan triều vua Gia-Long, thường uất ức bất đắc chí. Chính cụ là tác giả truyện Kiều, một áng văn kiệt tác và bất hủ trong văn giới. Cụ mất ngày mồng 10 tháng 8, văn-giới nước ta lấy ngày ấy làm kỷ niệm, gọi là ngày kỷ niệm Tiên-Điền.

Nguyễn-Đình-Chiều (Phổ)

Nguyễn-đình-Chiều người thôn Tân-Thai, huyện Bình-Dương, tỉnh Gia-Định, nay thuộc khu vực Sai-gon. Đỗ Tú-tài khoa Quý-Mão, triều Thiệu-Trị (1843), ở nhà dạy học, người ta thường gọi là cụ Đồ-Chiều. Cụ là tác giả quyển Lục-Vân-Tiên và Ngư-Tiểu-Văn-Đáp, còn truyền đến bây giờ.

Nguyễn-huy-Tự (Phổ)

Nguyễn-huy-Tự người xã Lai-Thạch, huyện La-Sơn, thuộc tỉnh Hà-Tĩnh bây giờ. Đỗ Hương-Cống (Cử-nhân) năm 17 tuổi, về triều Lê-Hiến-Tôn (1740—1785), làm quan đến chức Đốc-Đông. Cụ là tác giả quyển « Hoa-Tiên »,

Nguyễn-Khoái (Phổ)

Nguyễn-Khoái là một kiện tướng đời Trần-Nhân-Tôn, hồi quân Mông-Cổ sang xâm lấn, được cử làm Đại-tướng coi quản quân Dực-Thánh. Trong các trận chém Toa-Đô ở Hàm-tử-quan, bắt Ô-Mã-Nhi ở Bạch-Đằng-giang, đều có công lớn. Sau khi bình Nguyên, được phong Liệt-hầu và được thực ấp một làng gọi là Khoái-Lộ (thuộc phủ Khoái châu tỉnh Hưng-Yên bây giờ)

Nguyễn - Phạm - Tuân (phổ)

Nguyễn-Phạm-Tuân người xã Bắc-Cừ, tỉnh Quảng-Bình. Đỗ Cử-nhân khoa Quý-Dậu triều Tự-Đức (1873). Năm 1885, kinh thành thất-thủ, vua Hàm-Nghi xuất bôn, ông cùng Lê-Trực khởi nghĩa cần vương ở Quảng-Bình, quân Pháp bị thua nhiều trận sau bị bộ hạ Nguyễn-trọng-Duật làm phản, dẫn quân đánh úp, ông trúng đạn bị bắt rồi mất (1887).

Nguyễn - Thái - Học (phổ)

Nguyễn-thái-Học người làng Thổ-Tang, phủ Vĩnh-Tường, tỉnh Vĩnh-Yên. Sinh năm Quý-Mão (1902), con một ông Chánh-Tổng bá hộ, học sinh trường Cao-đẳng Thương-mại. Có tư tưởng cách mạng từ lúc 15 tuổi, là năm Đội-Cần khởi nghĩa ở Thái-Nguyên (1917). Năm 1927, cùng các đồng chí sáng lập Việt-Nam Quốc-dân-Đảng, mục đích lấy lại chủ quyền cho nước Việt-Nam, được các đảng viên cử làm lãnh tụ. Năm 1930, mưu việc tổng khởi nghĩa, ông phụ trách việc đánh Hải-Dương và Bắc-Ninh đồng thời với các tỉnh. Sau khi các trận Yên-Báy, Lâm-Thảo thất bại, ông cùng các đồng chí trốn tránh ẩn núp rất là vất vả, nhưng vẫn không ngã lòng. Khi đến ấp Cồ - Vịt gần đồn Chi - Ngại tỉnh Hải-Dương thì bị bắt. Hội đồng Đề-Hình khép án xử tử, rồi ngày

17 tháng 6 năm 1930, ông cùng 12 chiến-sĩ đồng chí lên đoạn đầu đài tại Yên-Báy, để lại tấm gương rất tươi sáng trên lịch sử cách mệnh Việt-Nam.

Nguyễn - Thượng - Hiền (Phổ)

Nguyễn-thượng-Hiền hiệu là Mai-Sơn, con cụ Nhã-sỹ Nguyễn-Phiên, người làng Liên-bạt Chùa thôn, phủ Ứng-Hòa, tỉnh Hà-Đông. Đỗ Nhị Giáp Tiến-sỹ (tức Hoàng-Giáp) khoa Nhâm-Thìn, triều Thành-Thái (1892) làm quan đến Đốc-học, bỏ chức đi đông-du, mưu việc cách mệnh, sau mất tại Trung-Hoa.

Nguyễn Trái (phổ)

Nguyễn Trái hiệu là Ưc Trai, người làng Nhị Khê, huyện Thượng-Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông bây giờ. Năm 21 tuổi, đỗ Thái Học Sinh đời Hồ (1400). Hồi người Minh sang thống trị quận huyện nước ta, cụ theo Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn tham mưu nơi quân thứ, phàm thư từ bút trát ngoại giao đều do tay cụ thảo soạn cả. Sau khi bình Ngô, luận công đệ nhất, tước phong Quan-phục-Hầu. Đời Lê Thánh Tôn, cụ ngoại 60 tuổi, về trí sỹ tại núi Côn-Sơn. Vì việc Thị Lộ, phải chu di tam tộc, ai cũng thương là oan. Đời Lê Thánh Tôn được truy tặng Tể-Văn-Hầu. Con sót là Anh-Vũ được trao chức Tri-châu. Cụ là bậc có tài tể thế kinh bang, có trước thuật các sách như Ưc-Trai thi văn-tập còn truyền đến bây giờ.

Nguyễn-Tri-Phương (Phổ)

Nguyễn-Tri-Phương tự là Hàm-Trinh, người làng Tri-Long, huyện Phong-Điền, phủ Thừa Thiên. Xuất thân làm thơ-lại bộ Hộ dưới triều Minh-Mạnh (1820-1840). Nhờ có thông minh lỗi lạc và có nhiều quân công, dần dần thăng nhất phẩm, phong tước Quận-Công

Năm Quý-Dậu triều Tự-Đức, (1375), được cử làm Trấn thủ Hà-Nội, khi quân Pháp đánh thành, cụ tuyệt thực rồi mất, con là Phò mã Nguyễn Lâm tử trận, Em là Tiến-sỹ Nguyễn-Duy cũng tử tiết trong trận đánh ở Nam-kỳ. Một nhà ba người tuân nạn. Nay có đền thờ cụ cùng với cụ Hoàng-Diệu tức là «Trung-Liệt-Miếu» ở Thái hà-ấp.

Nguyễn Trường Tộ (Phổ)

Nguyễn Trường Tộ người thôn Bùi-chu, huyện Hưng-Nguyên tỉnh Nghệ An, theo đạo Thiên Chúa, tinh thông chữ Hán và chữ Pháp, giàu lòng yêu nước, có con mắt thức thời. Năm Tự Đức thứ 13, (1860) sang Pháp, lưu tâm quan sát khoa học, khi về có thảo nhiều tờ phướn tấu xin cải cách chính trị về mọi phương diện, nhưng không đắc dụng. Ông mất năm Tự-Đức thứ 24 (1871) mới có 43 tuổi.

Nguyễn-Cảnh-Chân (Phổ)

Không rõ quê quán, khoảng năm 1416, theo Trần - Giản-Định khởi nghĩa đánh quân Minh, lập được nhiều chiến công oanh liệt, sau bị Giản-Định nghi oan giết chết, con là Cảnh-Dy về Thanh-hóa lập Trần-Quý-Khoảng làm vua tức là Trưng-Quang, tiếp tục công cuộc kháng chiến với quân Minh.

Nguyễn-Thiện-Thuật (Phổ)

Nguyễn - thiện - Thuật tức Tán-Thuật, người xã Xuân - Dục, huyện Đường-Hào tức Mỹ-Hào tỉnh Hưng-Yên bây giờ. Đỗ Cử-nhân khoa Bính-Tý triều Tự-Đức (1876). Gặp hồi loạn được cử làm Tán-tương-quân-vụ, nên gọi là Tán - Thuật. Khoảng năm Giáp-thân, Ất-Dậu (1884, 1885), kinh thành Huế thất thủ, người Pháp lần lượt chiếm các tỉnh Bắc-kỳ, cụ phụng chiếu cần vương khởi

nghĩa ở tỉnh Hải-Dương, Hưng-Yên, chống cự với Pháp, trải mấy năm huyết chiến, nghĩa thanh lừng lẫy, sau vì đạn dược không đủ, nghĩa binh ngày một thua lụi, cụ phải lánh sang Tàu.

Nguyễn-Gia-Thiều (Phổ)

Nguyễn-gia-Thiều tức Ôn - như - hầu, người làng Liễu-Ngan, tỉnh Bắc-Ninh bây giờ. Sinh năm Tân-Dậu niên hiệu Cảnh-Hung đời Lê-Hiến-Tôn (1741), có quân công được phong Hầu. Ông là người tài hoa, cầm kỳ thi họa, thứ gì cũng thạo, sở trường về ca khúc. Chính ông là tác giả « Cung-Oán-Ngâm-Khúc », một áng văn quốc âm đặc sắc, còn truyền tụng đến bây giờ.

Nguyễn-Khắc-Hiếu (Phổ)

Nguyễn-khắc-Hiếu tức Ấm-Hiếu, biệt hiệu Tản-Đà. Sinh vào khoảng năm 1889, con một nhà khoa hoạn ở làng Khê - thượng, huyện Bất-Bạt, tỉnh Sơn - tây. Ông là một nhà văn sỹ kiêm thi sỹ thời gần đây, có nhiều tác phẩm về quốc văn xuất bản, nhiều bài khoái trá, người ta tranh nhau truyền tụng.

Nguyễn - hữu - Huân (phổ)

Nguyễn - hữu - Huân tức Thủ-Khoa Huân, người xã Tĩnh-Giang, huyện Kiên-Hưng, tỉnh Định-Tường. Đỗ Thủ-Khoa năm Nhâm tý triều Tự-Đức (1852) bổ chức Giáo-thụ xung Quản-đạo. Năm Nhâm-tuất (1862) người Pháp bắt đầu chiếm ba tỉnh phía nam Nam-kỳ, ông mộ nghĩa binh kháng chiến, bị bắt đày đi Côn-Lôn, 7 năm sau được tha về, giữa khi người Pháp chiếm nốt ba tỉnh phía tây, ông lại mưu khởi nghĩa, lại bị bắt, tử tiết không chịu nhục.

Nguyễn trung Trực (phổ)

Nguyễn-trung-Trực tức Thủ-khoa Trực. Triều Tự-Đức làm chức Thành-thư úy tỉnh Hà-tiên. Năm Đinh-Mão (1867) được tin triều đình Huế nhượng nốt cho Pháp ba tỉnh phía Tây Nam-Kỳ, ông thủ tiết không theo, lánh đi chiêu tập đồng chí khởi nghĩa mưu đốt được chiến thuyền của Pháp ở bến Nhật-tảo thuộc Tân-An rồi lại xuống Hon-chong đánh chiếm Kiến-Giang (Rạch-Giá), được ít lâu bị Trần-bá-Lộc đánh phá.

Nguyễn - bình - Khiêm (phổ)

Cụ Nguyễn-bình-Khiêm hiệu là Bạch-Vân, người làng Trung-Am tức Cồ am, phủ Vĩnh-Bảo tỉnh Hải-Dương bây giờ. Đỗ Trạng nguyên đời Mạc (1527—1591), làm đến chức Tể-Tướng, phong tước Trình-quốc-Công, nên gọi là Trạng-Trình. Cụ là một nhà lý học, rất tinh về Thái-ất-thần-kinh, nhiều việc biết trước, có những câu sấm ký truyền lại đời sau rất linh nghiệm, người ta thường gọi là « Sấm Trạng-Trình ».

Nguyễn - khắc - Nhu (Phổ)

Nguyễn-khắc-Nhu tức Xứ-Nhu, biệt hiệu là Song-Khê, người tỉnh Bắc-Giang. Ông học chữ Hán đỗ đầu xứ, nên gọi là ông Xứ (tỉnh nguyên). Năm 1927 cùng Nguyễn-Thái-Học sáng lập Việt-Nam Quốc-Dân-đảng, ông giữ chức phó chủ tịch trung-ương đảng bộ, Năm 1930, ông chỉ huy đánh Hưng-Hóa, Lâm-Thao, trúng đạn bị trọng thương, ông đặt hai trái lựu đạn xuống đất, nằm vật mình lên trên, đạn nổ, ngực, bụng vỡ lòi cả ruột gan, nhưng không chết. Khi bị bắt giải đi, ông nhẩy xuống sông lại bị vớt được, đến khi vào buồng giam, ông mới đập vỡ đầu tự tử được, thực là bậc đại anh hùng không sợ chết,

Nguyễn-Xý (phổ)

Danh tướng của Lê-Thái-Tổ, ngang hàng với bọn Lê-Sát Đinh-Liệt, có công trong trận Tụy-dộng — cũng gọi là Tốt động — là trận quyết liệt của cuộc khởi nghĩa phá Minh. Sau bị giết ở My-dộng thuộc huyện Thanh-trì.

Nguyễn-Khuyển (phổ)

Người làng Yên-Đồ thuộc huyện Bình-Lục tỉnh Hà-Nam bây giờ. Cụ đỗ Thủ khoa khoa Giáp-Tý triều Tự-Đức (1864), thi hội đỗ Hội-Nguyên, rồi đỗ Đình-Nguyên Nhị-Giáp Tiến-Sỹ khoa Tân-Vị (1871), ba lần đều đỗ đầu, nên gọi là Tam-Nguyên. Cụ làm quan đến chức Sơn - Hưng-Tuyên Tổng-Đốc, rồi về hưu trí. Cụ là bậc hay chữ xuất khẩu thành chương, nhất là câu đối và thơ nôm, nhiều câu rất thần tình, người ta truyền tụng mãi đến giờ. Có tập « Quế-Sơn thi tập ».

Nghĩa-Dũng (giốc)

Một khu bãi bồi ở trên bờ sông Nhị-hà phía Bắc thành Hà-nội.

Nguyễn-Lâm (Đại lộ)

Phò-mã, con cụ Nguyễn-tri-Phương, khoảng năm 1873, theo cha giữ thành Hà-nội, Khi thành thất thủ, ông tuân tiết trước cụ Nguyễn-tri-Phương.

Nguyễn-Trung-Ngạn (phổ)

Người xã Thổ-hoàng, huyện Thiên-thị, tức Ân-thị thuộc tỉnh Hưng yên bây giờ, 16 tuổi đỗ Tiến-sỹ, 24 tuổi làm Giám-quan, 26 tuổi đi sứ Tàu. Là bậc văn thần có danh vọng đời Trần, trải thờ 4 triều, thọ 80 tuổi.

Nguyễn-Quyền (phở)

Nguyễn-Quyền tức Huấn-Quyền người làng Thượng-Trì, huyện Siêu Loại, phủ Thuận-Thành, tỉnh Bắc-Ninh. Đỗ Tú-tài khoa Canh-Tý, bổ Huấn-Đạo Lạng-Sơn, năm 1907, Đông-Kinh-Nghĩa-Thục thành lập ở Hà-Nội, cụ được cử làm Giám-đốc. Năm 1909, bị khép án quốc sự phạm, phát lưu Côn-đảo, Sau khi được tha về, bị an trí tại Bến-Tre, đến năm 1904 thì mất. Cụ là một chí sĩ Việt-Nam đồng thời với các cụ Hoàng-tăng-Bí, Dương-Bá Trạc v.v.

Nguyễn-Siêu (phở)

Nguyễn-Siêu biệt hiệu Phương-Đình, người làng Dung-Thọ, huyện Vĩnh-Thuận, tỉnh Hà-Nội ngày xưa. Đỗ Phó-Bảng khoa Mậu-Tuất triều Minh Mệnh (1838), làm quan đến chức Án-Sát-Sứ. Cụ là bậc hay chữ đồng thời với cụ Cao-Bá-Quát, nên đã có câu « Thần Siêu thánh Quát » và câu thơ : « Văn như Siêu, Quát vô Tiền-Hán ». Cụ có bộ « Phương-Đình-Thi-Tập » truyền đến bây giờ.

Nguyễn Thiệp (phở)

Một nhà văn có tài kinh luân chẳng kém gì cụ Nguyễn Trãi. Đồng thời với Ngô thời Nhiệm, làm quân-sư cho vua Quang Trung, bày nhiều mưu kế khả quan.



Ông Ích Khiêm (phở)

Ông Ích Khiêm người Phong-Lê-Nam, huyện Hòa Vinh, tỉnh Quảng-Nam, đỗ cử nhân khoa Đinh Vị triều Thiệu-trị (1847). Gặp hồi loạn được cử làm Tiểu-phủ-Sứ đi dẹp loạn Bắc-Kỳ, nên

người ta thường gọi là : Quan Tiểu « Trong khoảng 15 năm, từ Tự Đức 18 đến Tự Đức 32 (1865-1879) cụ dẹp tan mấy toán giặc : Tạ-văn-Phụng ở Quảng-Nam, Ngô-Côn (giặc Tàu) ở Cao Bằng, Hoàng-Sùng-Anh (giặc cò vàng) ở Hà-Giang. Giặc Trần ở Bắc-Giang, Ly-dương-Tài (giặc Tàu) ở Hồ Ba-Bè. Thực là một bậc danh tướng triều bấy giờ.

Ô. Quan - Trường

Một cửa ô cũ phía Tây bắc Thành Hà-nội, di chỉ bây giờ vẫn còn.

P

Pháp - Quốc (phổ)

Pháp-quốc tức nước Pháp-lan-tây, một cường quốc bên Âu-châu, đất rộng 550.926 cây số vuông, dân số ước 50 triệu người. Toàn quốc chia làm 89 tỉnh, theo chế độ dân-chủ cộng-hoà.

Phạm - đình - Hồ (phổ)

Phạm-đình-Hồ tự là Tùng-Hiên, hiệu Đông-dã-Tiểu, tục gọi là Chiêu-Hồ, người làng Đan-Loan huyện Đường-An tức phủ Bình-Giang tỉnh Hải-Dương bây giờ. Sinh vào cuối đời Cảnh-Hung nhà Lê. Năm Tân-Tỵ triều Minh-Mệnh, (1821) được vời làm Hàn-lâm viện-hành-tầu, nhưng rồi lại từ chức. Ông là bậc học rộng, có nhiều tác phẩm như Vũ-trung-tuỳ bút, Lê-Triều hội điển, Bang-giao, điển-lệ, An-Nam-chí, Ô-châu-Lục v...v...

Phạm - Hồng - Thái (phổ)

Phạm-hồng-Thái là con một nhà nho quê ở Nghệ-An, tốt nghiệp trường kỹ-nghệ thực hành tại Vinh, rồi trốn sang Tàu, cùng Nguyễn-ái-Quốc và các nhà cách mệnh Việt-Nam, tổ chức một đoàn thể ám sát gọi là « Tâm-Tâm-Xá ». Năm 1924, Toàn-Quyền Đông-Dương là Merlin sang công cán Nhật-Bản khi trở về đến Sa-Điện (thuộc Quảng-Châu bên Tàu), đương dự tiệc tại khách sạn, ông lên đến ném bom định ám sát, nhưng chỉ trúng làm mấy võ quan Pháp, ông liền gieo mình xuống sông tự tận. Được người Trung - Hoa an táng tại Hoàng-hoa-cương là mộ địa của 72 nghĩa sỹ cách mệnh Trung-Hoa.

Phạm Ngũ Lão (phổ)

Phạm ngũ Lão người làng Phù - ụng, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương ngày xưa. Hồi quân Mông Cổ sang xâm lấn nước ta, Trần-Hung-đạo-Vương dùng làm gia thần, rồi tiến cử lên Trần Nhân Tôn, được coi quản quân Hữu-Vệ lập được rất nhiều chiến công. Đời Trần Anh Tôn (1293-1313) có công đánh Ai Lao, đời Trần Minh Tôn (1314-1328) có công đánh Chiêm thành. Cụ là bậc văn võ toàn tài, xuất thân nơi hàng ngũ, mà vẫn thích đọc sách ngâm thơ. Có bài « Thuật Hoài » đến nay còn truyền tụng.

Phạm Sư Mạnh (phổ)

Phạm sư Mạnh người xã Giáp Sơn, tỉnh Hải Dương, học trò cụ Chu văn An, làm quan trải ba triều Minh Tôn, Hiến Tôn và Dụ Tôn đời nhà Trần (1314-1369) đến chức Nhập-Nội Hành-Khiển (Tể Tướng), phụng mệnh sang sứ Tàu. Ông là người học rộng, có văn chương chính sự, đồng thời với ông Trương Hán Siêu.

Phan bội Châu (phổ)

Phan Bội Châu hiệu là Sào Nam, người làng Đan-Nhiễm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đỗ Giải Nguyên (thủ khoa) khoa Canh Tý triều Thành Thái (1900). Năm 1902, cụ bắt đầu sang Nhật, rồi lại về nước, mật cổ động các đồng chí xuất dương du học. Cụ là tướng tiên phong dẫn đường đông du cho các nhà chí sỹ cách mệnh nước ta. Năm 1925 cụ bị bắt từ Hồng Kông đưa về Hà-nội rồi được tha, nhưng bị an trí tại kinh đô Thuận hóa, đến năm 1939 thì từ trần.

Phan đình Phùng (đại lộ)

Phan đình Phùng người làng Đông-Thái huyện La-Sơn tỉnh Hà Tĩnh, sinh năm Đinh Tỵ đời Thiệu Trị (1847), đỗ Đình nguyên Tiến sỹ khoa Đinh-Sửu triều Tự-Đức (1877), làm quan đến chức Ngự-Sử, vì tham hặc Tôn-thất-Thuyết bị hạ ngục rồi bị cách chức về làng. Năm Ất-Dậu, kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm-Nghi xuất bôn, cụ phụng chiếu cùng các văn thân Nghệ-an, Hà-Tĩnh, khởi nghĩa cần vương, cùng quân Pháp kháng chiến trong 10 năm, nhiều trận rất anh dũng. Sau vì quá lo việc nước, bị chứng lỵ mất tại núi Vụ-Quang, thọ 49 tuổi.

Phan-Chu-Trinh (đại-lộ)

Phan-chu-Trinh hiệu là Tây-Hồ, người làng Tây-lộc, huyện Hà-Đông, tỉnh Quảng-Nam, đỗ Phó bảng khoa Tân - Sửu triều Thành-Thái (1901). Năm (1906), cụ đông du cùng cụ Phan-Sào-Nam xem xét tình hình chính trị Nhật-Bản, rồi lại về nước. Năm 1907, Đông-Kinh Nghĩa-Thục thành lập, nhân khi ra thăm Hà-Nội, cụ liền làm diễn - giảng viên. Năm sau nhân việc khất thuế

Quảng-Nam, cụ bị bắt đày đi Côn-Lôn. Sau ba năm được tha về, nhưng bị quản thúc tại Mỹ-Tho. Năm 1911 cụ xin sang Pháp, định kết giao với các chính đảng bên ấy, để nhờ tán thành việc cải cách chính trị cho Đông-Dương. Năm 1925 mới về nước, năm sau thì mất.

Phạm-Phú-Thứ (Phổ)

Phạm-phú-Thứ hiệu là Trúc-Đường, biệt hiệu Giá-Viên, người làng Đông - Phần, huyện Diên - Phúc, tỉnh Quảng - Nam, đỗ Hội-Nguyên Tiến-sỹ khoa Quý-Mão triều Thiệu-Trị (1813), làm quan đến chức Hộ-Bộ-Thượng-Thư Tổng-Đốc Hải-An. Cụ có tài chính sự văn chương, là bậc thức thời, từng dâng thư xin biến pháp, nhưng không được dùng. Có tập văn « Giá-Viên » truyền đến bây giờ.

Phan-huy-Chú (Phổ)

Phan-huy-Chú nguyên tên là Hạo, hiệu là Mai-phong, người làng Thụy-Khê, phủ Quốc-Oai, tỉnh Sơn-tây. Đời Gia-Long, đỗ hai khoa tú-tài, có công soạn bộ « Lịch-triều Hiến-Chương » (49 quyển). Đời Minh - Mệnh được bổ làm Hàn-Lâm-Biên-Tu, dần dần thăng đến Hiệp-Trấn tỉnh Quảng-Nam. Hai lần sang sứ Tàu và một lần sang sứ Pháp, Là một nhà bác học có văn tài. Ngoài bộ Lịch-triều Hiến-Chương, còn có mấy tác phẩm như Hoàng-Việt Địa-Dư, Hoa-thiều Ngâm Lục, đều là những sách có giá trị.

Phan-Phu-Tiên (phổ)

Phan-Phu-Tiên người làng Đông-Ngạc, huyện Từ-Liêm, tỉnh Hà-Đông bây giờ. Đỗ khoa Minh-Kinh niên hiệu Thuận-Thiên thứ 2 đời Lê Thái-Tôn (1492), làm quan đến chức Tri-Quốc-Sử-Viện, coi việc soạn sử. Là soạn-giả bộ « Đại-Việt Sử-Ký » từ đời Trần Thái-Tôn đến đời người Minh trở về nước, tiếp theo với bộ sử ký của Lê-Văn-Hưu.

Phan-Thanh-Giản (phổ)

Phan-Thanh-Giản hiệu là Lương-Khê, người làng Yên-Hòa, huyện Vĩnh bình, tỉnh Vĩnh long đỗ Tiến sỹ khoa Bính Tuất triều Tự-Đức (1826), làm quan đến Hiệp-Biên-Đại-Học-Sỹ phụng mệnh sang sứ nước Pháp nghị hòa, mưu chuộc ba tỉnh miền nam Nam-Kỳ, nhưng việc không xong. Năm Đinh-Mão (1867) Pháp lại chiếm nốt ba tỉnh miền đông Nam-Kỳ, bấy giờ cụ làm Kinh-Lược-Đại-Thần, đã 74 tuổi, biết không cứu vãn nổi thời cục, mà kháng chiến thì hại dân, liền tuyệt thực tự tận.

Phù-Đồng-Thiên-Vương (phổ)

Phù-Đồng-Thiên-Vương người làng Phù-Đồng tục gọi làng Gióng, thuộc huyện Tiên-Du, tỉnh Bắc-Ninh bây giờ. Sử chép đời Hùng-Vương thứ 6, trong nước có giặc, nhà vua cho đi cầu tướng, khi đến làng Phù-Đồng, có cậu bé lên 3 tuổi, nguyên chưa biết nói, nay bỗng nói được, tình nguyện đi đánh giặc. Vác gươm lên ngựa, đi đến đâu giặc tan đến đấy. Rồi phi ngựa lên trời. Nhà vua sai lập đền thờ, và truy phong là « Phù-Đồng-Thiên-Vương. «Miếu đình còn dấu cổ viên, chẳng hay chuyện cũ lưu truyền có không».

Phùng - Hưng (phổ)

Phùng-Hưng người Đường-Lâm tức Cam-Lâm huyện Phúc-Thọ, tỉnh Sơn-Tây bây giờ. Có sức bẻ gãy sừng trâu và bắt được hổ. Hồi nước ta bị nhà Đường bên Tàu đô hộ khoảng năm Đại-Lịch (1766-1779), quan Tàu là Cao-chính-Bình tham bạo, dân đều ta oán, ngài khởi binh vây Phủ-trị, Cao lo sợ mà chết, ngài giữ phủ xưng là Đô-Quân, chưa được bao lâu thì mất. Con là Phùng-An nối nghiệp, dân truy tôn ngài là « Bó-Cái-Đại-Vương». (Theo tục nước ta bây giờ gọi cha là bố, gọi mẹ là cái).

Pasteur (vườn)

Pasteur (Louis) là một nhà hóa-học chuyên - môn nước Pháp, sinh tại xứ Dôle năm 1822, mất năm 1895, ông được nổi tiếng về công việc tìm ra các thứ men, phương pháp chữa bệnh của cơn tằm, bệnh chó dại cắn, và các bệnh truyền-nhiễm vân vân.

Phùng Khắc Khoan (phố)

Phùng-khắc-Khoan đỗ Hoàng - giáp năm thứ ba niên hiệu Quang-Hưng đời Lê Thế Tôn (1580), người làng Phùng-xá huyện Thạch-Thất, tỉnh Sơn-Tây. Làng Phùng-xá tục gọi làng Bùng, và cụ tài học chẳng kém gì Trạng nguyên, nên người ta gọi là « Trạng Bùng », Làm quan đến chức Thượng-thư, sang sứ Tàu, kháng nghị nhiều điều khảng khái, người Tàu rất kính phục. Có tiếng là bậc văn-chương chính-sự đời bấy giờ.

Phủ-Doãn (phố và ngõ)

Đời Lý, Trần và Lê đóng đô ở Hà-nội, đều có đặt chức Phủ-doãn để cai trị dân thành phố, Tương truyền chỗ phố Phủ-doãn bây giờ là dinh Phủ-doãn ngày xưa.

Phất - Lộ (ngõ)

Tên một xóm cũ thuộc phường phố của Hà-nội.

Phó đức-Chính (phố)

Người xã Đa-ngưu, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh, năm 20 tuổi tốt nghiệp trường Cao-đẳng-Công-chính, bổ Cán-sự chuyên-môn, sang làm việc tại bên Lào. Là đảng-viên sáng-lập của Việt-nam quốc-

dân đảng. Năm 1929, việc đảng bại lộ, bị bắt từ Lào đem về Hà-nội rồi được tha. Năm 1930, phụ trách chỉ huy đánh Yên-bái. Sau khi thất bại, cùng các đồng chí trốn tránh, mưu hạ thành Sơn-tây. Đương hội nghị ở Tùng-thiện thì bị bắt. Bị khép án xử tử. Hội-đồng đề-hình hỏi có xin ân xá không? Ông cười nói : « Đời người làm có một việc hỏng cả một việc, sống nữa mà làm chi » ! Rồi ngày 11 tháng 6 năm 1930, Ông cùng lên đoạn đầu đài với 12 chí-sỹ ở Yên-bái.



Quán - Sứ (phổ)

Quán-sứ là tên một ngôi chùa ở thôn An-Tập, huyện Thọ-Xương, tỉnh Hà-Nội ngày xưa. Từ đời Lê trung-hưng (1590) trở về sau, sứ giả các nước Nam-chương, Vạn-Tượng, và Trấn-Ninh đến cống vua Lê, đều đóng ở đây, nên gọi là Quán-sứ. Nay có chùa là trụ sở của hội Phật-giáo Việt-Nam.

Quang - Trung (đại lộ)

Quang-Trung là niên hiệu của Bắc-Bình-vương Nguyễn - Huệ, ngài người Trại Tây-Sơn, tỉnh Bình-Định. Cuối đời Lê, cùng anh là Nguyễn-Nhạc khởi binh giữ Quy-Nhân, Thuận-Hóa. Ra Bắc-Hà phủ Lê giết Trịnh rồi lại về Nam. Năm Kỷ-Dậu (1789) Tổng - Đốc Lương-Quảng Tôn-sĩ-Nghị lấy tiếng sang giúp vua Lê, thực thì có ý xâm chiếm nước ta. Ngài được tin liền lên ngôi Hoàng-đế tại Phú-xuân, rồi đem quân ra đánh. Hơn 20 vạn quân Tàu bị ngài phá

tan tại Đông-Đa (gần Thái-Hà-Ấp) giữa ngày mồng 5 tết. Nay thành ngày «giỗ trận». Ngài đương dự bị binh mã mưu phục Lương-Quảng chưa kịp thì mất.

Quốc - tử - Giám (phở)

Quốc-tử-giám là một nhà quốc-học (trường học của nhà nước) để dạy các Tôn-sinh, Ấm-sinh, Cống-sinh. Quốc-tử-giám ở Hà-nội bắt đầu dựng tự đời Lý-Thánh-Tôn (1070), vừa là nơi thờ đức Khổng-Tử vừa là nơi dạy học, tức Văn-Miếu Giám bây giờ.



Tao-Đàn (Đường)

Tao-đàn nghĩa là đàn văn. Lê-Thánh-Tôn là một ông vua thích văn học, khoảng năm Hồng-đức (1470-1498), thiên hạ thái bình, ngài lập ra Tao-đàn, tự xưng là Nguyên-Soái, chọn 28 văn thần xưng là Tao-đàn nhị thập bát tú, vua tôi cùng nhau xướng họa văn thơ.

Tạ-Hiện (phở)

Tạ-Hiện người làng Quảng-Lang, huyện Thụy-anh, tỉnh Thái Bình, đỗ võ-cử xuất thân, triều vua Tự-Đức làm đến chức Đề-Đốc nên thường gọi là Đề-Hiện. Năm Quý-Vỵ, (1883) quân Pháp hạ thành Nam-Định, cụ mộ binh khởi nghĩa, mưu lấy lại tỉnh thành, việc không thành bị bắt, người Pháp giam cụ tại Hải-phòng, cụ vượt ngục lặn xuống biển trốn được, sau không rõ kết-quả ra sao.

Tây-Hồ (vườn)

Tây hồ ở phía tây bắc thành Hà-Nội, đời Trưng-vương gọi là Lãng-bạc, đời Lý gọi là Dâm-đàm, đời Lê gọi là Tây-hồ.

Tây - Kết (đường)

Tây Kết không rõ đích ở đâu, có lẽ là tổng Đông-Kết, thuộc phủ Khoái-Châu, tỉnh Hưng-Yên bây giờ, nơi Trần-Hưng-Đạo đặt phục binh bắn chết đại tướng Mông-Cồ là Toa-Đô vào khoảng năm Ất-Dậu đời Trưng-Hưng nhà Trần (1285).

Tây-Sơn (vườn hoa)

Tây-Sơn là một trại thuộc Qui Nhơn tỉnh Bình-Định bây giờ. Nơi quê hương của vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ.

Tăng-bạt-Hồ (phố)

Tăng-bạt-Hồ người tỉnh Bình-Định, đồng thời với Phan-Sào-Nam, có chí quang phục, chu du các nước Hoa, Xiêm, Nga, Nhật, đến hơn 10 năm. Năm 1907 cùng Phan-Sào-Nam đồng du trở về, bị bệnh mất tại Thuận-Hóa.

Thái-Phiên (phố)

Thái-Phiên người xã Hải-Châu, tỉnh Quảng-Nam, là một chí sỹ cách mệnh, kết giao nhiều bạn đồng chí, mưu việc quang phục. Sau can vào vụ Duy-Tân, (1916), bị người Pháp bắt giết,

Thi-Sách (Phố)

Thi-Sách họ Đặng (theo Trung-Vương lịch sử) con quan Lạc-tướng, chồng bà Trưng-Trắc, làm Huyện-lệnh huyện Chu-Diên (thuộc phủ Đà-Tường, tỉnh Vĩnh-Yên bây giờ). Thấy Thái-thú Tô-Định (người Tàu) tham tàn, đưa thư khuyên nên đổi lỗi, Tô-Định không nghe, sai quân bắt giết, bà Trưng bèn khởi nghĩa đánh đuổi Tô-Định báo thù cho chồng.

Thọ-Xương (ngõ)

Thọ-Xương là tên một trị-sở đời xưa, năm Minh-Mệnh thứ 12 (1831), mới bắt đầu đặt làm huyện, bổ chức Tri-huyện cai trị 8 tổng. Năm Tự - Đức thứ 5 (1852), kiêm lý huyện Vĩnh-Thuận. Đến hồi Pháp-thuộc (1888), cả hai đều lấy vào đất thành phố Hà-nội, chỉ còn có mấy thôn, phường, trại, hợp với mấy tổng của huyện Vĩnh-Thuận, biệt lập ra huyện Hoàn-Long. Thành ra Thọ-Xương nay chỉ còn có cái tên cũ.

Tô-Hiến-Thành (Phố)

Tô-hiến-Thành là bậc hiền thần đời nhà Lý. Trong triều Anh-Tôn (1138—1174) có công đánh giặc Ai-Lao và Ngưu-Hống, được thăng chức Thái - Uý. Anh Tôn mất, phụng di chiếu lập Thái-tử Long-Trát (tức Cao - Tôn) làm vua, Thái - hậu muốn lập Thái-tử cũ là Long-Sởng, đem vàng bạc hối lộ và khuyên dỗ trăm cách, Tô đều không nghe. Phụ chính 4 năm, trong triều ngoài nội đều quy phục.

Tôn-Đản (phổ)

Tôn-Đản là một võ tướng về đời Lý-Nhân-Tôn (1072-1127) đồng thời với Lý-thường-Kiệt. Khoảng năm Thái-Ninh thứ 4 (1075) cùng Lý-thường-Kiệt chia đường đem quân sang đánh Tống, hãm hai châu Ung, Liêm (Quảng-Đông), lập được nhiều chiến công.

Tôn-thất-Thuyết (Đại lộ)

Tôn-thất-Thuyết là người trong hoàng-phái nhà Nguyễn. Cuối triều Tự-Đức, lĩnh chức Binh-Bộ-Thượng-Thư, coi giữ binh quyền, bấy giờ gọi là « Quan-Tướng ». Ông chủ trương việc đánh Pháp, Năm Ất-Dậu (1885) Kinh - thành thất thủ, ông phò vua Hàm-Nghi chạy lên xứ Mọi, để hai con giai hổ giá rồi sang Tàu cầu viện, sau mất tại Long-châu.

Trần-Bình-Trọng (phổ)

Trần-Bình-Trọng con cháu Lê-đại-Hành, tồ phụ làm quan nhà Trần, được cho theo họ nhà vua, nên mới đổi là họ Trần. Năm đầu Trưng Hưng đời Trần Nhân-Tôn (1280), quân Mông-Cồ sang sâm lấn, ông làm Tiên-phong, đánh nhau với quân Nguyên tại sông Đà-mạc (thuộc phủ Khoái-châu) bị bắt, giặc hỏi có muốn làm vua đất Bắc không ? Ông cả tiếng mắng rằng : « Ta thà làm quý nước Nam, còn hơn làm vua đất Bắc », bị giặc giết. Được truy tặng Bảo-Nghĩa đại vương.

Tức Mặc (ngõ)

Tức-Mặc là một làng thuộc huyện Mỹ-Lộc, tỉnh Nam-Định bây giờ, cách thành phố Nam-Định độ 3 cây số, tức là nơi quê hương của vua nhà Trần. Nay còn có đền thờ các vua Trần, tục gọi là « Thành Vàng ».

Trúc Lạc (ngõ)

Tên cũ của một phố.

Tạm Thương (ngõ)

Tên cũ của một phố.

Trần cao Vân (phố)

Trần-cao-Vân người làng Tư-phúc, phủ Điện-Bàn, tỉnh Quảng Nam, tinh nghề thuật số, có soạn quyển «Trung-Thiên-Dịch». Ông tham-gia công việc cách mệnh đã lâu, năm 1916, bị người Pháp bắt về việc chính biến vua Duy Tân, cùng Thái-Phiên đều tử nạn.

Trường-An (ngõ)

Trường-An là kinh đô của nhà Đinh (968 - 979) và nhà Tiền-Lê (980-1008), thuộc địa phận hai xã Trường-Yên-Thượng, Yên-Hạ, huyện Gia-Viễn, tỉnh Ninh - Bình bây giờ. Có núi cao chung quanh, nay còn có đền thờ vua Đinh - Tiên - Hoàng ở Trường-Yên-Thượng và đền thờ vua Lê Đại-Hành ở Trường-Yên-Hạ, nên đã có câu đối thờ :

« Khí vận nhất ư thiên, đế Tống hoàng bào, đế Việt long côn,
« Anh linh trường thủ địa, hoàng Đinh thượng miếu, hoàng Lê
hạ từ.

Nghĩa là :

Khí vận tự trời kia, áo vàng vua Tống, áo rồng vua Việt,
Thiên thiêng mãi đất nọ, đền trên thờ Đinh, đền dưới thờ Lê.

Triệu-Việt-Vương (Phò)

Triệu Việt-Vương tên là Quang-Phục, người huyện Chu-diên, phủ Vĩnh-Tường, tỉnh Vĩnh-Yên bây giờ. Có dũng lược, theo Tiền-Lý Nam-Đề chống nhau với tướng Tàu là Trần-Bá-Tiên, đóng quân ở Dạ-Trạch (thuộc huyện Đông-An tức Khoái Châu tỉnh Hưng-Yên,) bốn mặt bùn lầy rất hiểm trở, quân Tàu không đánh nổi. Khi vua Tiền-Lý mất, ngài lên thay, hiệu là Việt-Vương (549). Bấy giờ Trần-Bá-Tiên về Tàu, Dương-Săn sang thay, ngài đánh đuổi Dương-Săn, vào giữ thành Long-Biên, được 10 năm (549 - 559), bị Lý-Phật-Tử là người họ Lý-Nam-Đề đánh, ngài chạy ra cửa bể Đại-An (ở xã Quần-Liêu tỉnh Nam-Định bây giờ) rồi gieo mình xuống nước. Nay ở đấy còn đền thờ.

Trần-Hung-Đạo (Đại lộ)

Trần-Hung-Đạo húy là Quốc-Tuấn, con An-Sinh-Vương Liễu (anh ruột Trần Thái-Tôn), lên 6 tuổi đã biết làm thơ ngũ-ngôn, bày đồ Bát trện, lúc nhón lên vầu võ toàn tài, một lòng trung hiếu. Đời Trần Nhân-Tôn (1278 - 1292), quân Mông-Cồ sang xâm lấn, ngài thống lĩnh các quân thủy bộ, truyền hịch đánh giặc, hai lần phá được quân Nguyên, thu phục giang sơn nhà Trần, lập nên chiến công oanh liệt, chấn động nam bắc, xưa nay ít có. Ngài có soạn ra bộ « Binh - Thư - Yếu - Lược » và « Vạn-Kiếp-bí-truyền ». Ngài mất ngày 20 tháng 8 năm Canh-Tý (1300). Đền chính thờ ở Vạn-Kiếp tức là đền Kiếp-Bạc.

Trần-Khánh-Dur (Đại lộ)

Trần-Khánh-Dur là tôn-thất nhà Trần, tước phong Nhân-Huệ-vương. Hồi có giặc Mông-Cồ, ông làm tướng thua trận bị cách chức, về ở núi Chí-Linh, làm nghề bán than. Sau được phục chức Phó-tướng-quân, đóng ở Vân-dồn, có công đánh cướp được thuyền lương và khí giới của tướng Mông-Cồ là Trương-Văn-Hồ ở cửa bể Lưu-Thủy-đường (thuộc Hoàn-bồ). Nay có miếu thờ ở Linh-Giang (thuộc huyện Chí-Linh).

Trần Nhân-Tôn (phổ)

Trần Nhân-Tôn con trưởng Thánh-Tôn, ông vua thứ ba đời Trần, ở ngôi 14 năm (1278-1293). Năm Trùng-Hưng thứ 4 (1288), Mông-Cồ đem hơn 50 vạn quân sang xâm lấn, ngài hội các kỳ lão ở điện Diên-hồng hỏi ý kiến, ai cũng tâu xin đánh, ngài dùng Trần-Hưng-Đạo làm tướng, hai lần đánh phá được quân Mông-Cồ, củng cố nền độc lập, ngài đã có thơ rằng:

« Xả tặc hai phen phiến ngựa đá,
« Non sông nghìn thuở vững âu vàng.

Trần Thánh-Tôn (phổ)

Trần-Thánh-Tôn con trưởng Thái-Tôn, ông vua thứ 2 triều nhà Trần, ở ngôi 21 năm (1285-1277), tính rất hữu ái, mỗi buổi chiều xong, lại triệu tập các vương hầu tôn-thất vào nội-điện Lan-Đình yếu ẩm vui vẻ, có đặt giường màn chăn gối, cùng nhau lưu túc. Nhưng khi có đại lễ triều hạ, thì tôn ty vị thứ, trật tự phân minh.

Trần - quốc - Toàn (phổ)

Trần-quốc-Toàn là tôn-thất nhà Trần, tước phong Hoài-văn-Hầu. Khoảng năm Thiệu-Bảo (1278), quân Mông-Cồ sang xâm lấn, nhà vua hội các vương hầu bàn mưu đánh giặc, Quốc-Toàn còn ít tuổi, không được dự hội nghị, lấy làm phần uất xấu hổ, tay cầm quả cam nắm bẹp lúc nào không biết. Rồi cùng lữ gia-tướng dựng cờ đề sáu chữ : « Phá giặc mạnh báo ơn vua » đi đánh giặc, mỗi khi ra trận, thường xông đi trước các tướng-sỹ, lập được rất nhiều chiến công.

Trần - nhật - Duật (đại-lộ)

Trần-nhật-Duật con thứ 6 Trần - thái - Tôn, tước phong Chiêu-văn - Vương, có học thức và đởm lược, biết tiếng Mường, Mán. Khoảng năm Thiệu-Bảo (1278), có công hàng phục được Tù-trưởng Đà-Giang là Trịnh-giốc-Mật. Năm Ất-Dậu (1285), có công phá được quân thuyền của tướng Mông-Cồ là Toa-Đô ở Hàm-tử-quan. Trong hồi Trần-Nguyên chiến tranh, Nhật-Duật lập được rất nhiều chiến công.

Trần - quang - Khải (đại-lộ)

Trần-quang-Khải là con thứ hai Trần - Thái - Tôn, tước phong Chiêu-Minh-Đại-Vương. Khoảng năm Trùng-Hưng (1285), quân Nguyên sang xâm lấn, kinh thành Thăng-Long thất thủ, vua Trần phải chạy vào Thanh-Hóa, Quang-Khải cùng Trần-quốc-Toàn theo đường bề lên ra bến Chương-dương phá được thủy sư của quân Nguyên, thừa cơ thẳng tiến, chém được nguyên-soái Toa-Đô, khôi phục được kinh thành.

Đã có thơ rằng :

- « Chương-Dương cướp đảo giặc,
- « Hàm-Tử bắt quân thù,
- « Thái bình nên gắng sức,
- « Nọn nước ấy nghìn thu !

Trần Quý Cáp (phổ)

Trần quý-Cáp người làng Bất-Nhi, huyện Diên-Phúc, tỉnh Quảng-Nam, đỗ Tiến-sỹ khoa Nhâm-Thìn triều Thành Thái (1904). Khoảng năm 1905, ông đề xướng tân học, cổ động người trong nước xuất dương du học. Gặp khi có việc xin giảm thuế ở Quảng-Nam, ông bị bắt kết án xử tử tại Khánh Hòa.

Trương Hán Siêu (phổ)

Trương Hán Siêu tự là Thăng-Phủ, người xã Phúc Am, huyện Gia Khánh tỉnh Ninh Bình bây giờ. Nguyên là gia khách của Trần Hưng Đạo, trải thờ 4 triều : Trần Anh Tôn, Minh Tôn Hiến Tôn và Dụ Tôn, làm quan đến chức Tham Tri Chính Sự. Sau khi về hưu, ẩn cư tại núi Dục Thúy. Cụ là một nhà văn chương kiêm chính trị. Khi mất được truy tặng chức Thái Phó, nay còn đền thờ ở xã Phúc Am.

Triệu Quốc Đạt (phổ)

Anh ruột bà Triệu Âu, có sức khỏe, cùng em gái khởi binh ở Cửu-Chân đánh đuổi quân Tàu về nước. Vào khoảng năm 248.

Trịnh Hoài Đức (phổ)

Một bậc có văn tài, làm quan rất có đức độ về đời vua Gia Long.

Trần-nguyên-Hãn (Phổ)

Trần-nguyên-Hãn người làng Hoắc-Sa tỉnh Sơn-tây, con cháu Tư-đồ Trần-Nguyên-Đán, cùng Nguyễn-Trãi theo giúp Lê-Thái-Tổ khởi nghĩa ở Lam-Sơn, lập được rất nhiều chiến công. Sau khi bình Ngô, được phong Tướng-quốc, rồi cáo quan về làng, có kẻ vu cáo là mưu phản, Lê-thái-Tôn cho bắt về tra hỏi, thuyền đi đến bến Sơn-Đông bị đắm, ông cùng 40 lực sỹ đều chết đuối. Thờ dân có lập đền thờ ở bên sông.

Thuyền Quang (Phổ)

Tên một ngôi chùa ở trên bờ một cái hồ, gọi theo là Thuyền-Quang.

Trương-Vĩnh-Ký (Phổ)

Trương-vĩnh-Ký tự là Sỹ-Tái, người làng Vĩnh-Thành, tổng Minh-Lý, huyện Tân-Minh, tỉnh Vĩnh-Long (con Trương-chính-Thi, Lãnh-binh triều Minh-Mệnh) sinh năm Đinh-Dậu đời Minh-Mệnh thứ 18 (1837), theo đạo Gia-Tô, đã từng du học ngoại quốc. Tiên-sinh là người giúp việc liên lạc trong hồi Việt, Pháp mới bắt đầu gặp nhau. Là một nhà bác học có soạn được khá nhiều sách quốc văn và Pháp văn, có giá trị nhất là cuốn « Tự-vị Trương Vĩnh-Ký ».

Trương-Công-Định (Phổ)

Trương - công - Định người Nam-Việt. Khoảng năm 1862 — 1867, người Pháp lần lượt chiếm 6 tỉnh Nam-Kỳ, ông khởi nghĩa tại vùng Chợ-Lớn, Tân-An và Gò-Công, cùng dân chúng tự vệ, không chịu phục tùng. Sau bị Đốc-Phủ Trần-bá-Lộc đánh tan

Trần-Kế-Xương (phố)

Trần-Kế-Xương tức Tú-Xương. cũng có nơi nói là Tể-Xương, người làng Vị-Xuyên, huyện Mỹ-Lộc, tỉnh Nam-Định, đỗ Tú-Tài. Ông có tài về thơ nôm, nhất là thơ trào phúng, có nhiều bài còn truyền tụng. Là bậc thi hào trong làng văn quốc-âm.

Trúc-Bạch (phố)

Trúc-Bạch là tên một cái hồ ở phía tây bắc thành Hà-nội giáp với Hồ-Tây, cách nhau bởi con đường Cồ-Ngư.

Tôn-Thất-Đàm (phố)

Con cả cụ Tôn-Thất-Thuyết, theo phò vua Hàm-Nghi xuất biên cho đến khi vua bị bắt. Viết thư đưa tướng Pháp cho các tùy-tùng ra thú, rồi tự vào rừng đâm cồ tuần tiết, khoảng năm 1888.

Trần-Xuân-Soạn (phố)

Một võ-quan cao cấp cuối triều Tự-Đức, cùng cụ Tôn-Thất-Thuyết bí mật lập trường giảng võ Phú-Xuân, sai người ra ngoại quốc mua khí giới, dự định khởi nghĩa cần vương khoảng năm 1884.

Tràng-Tiền (ngõ)

Một nơi có xưởng đúc tiền (đồng và kẽm) ngày xưa.

Tôn - Thất - Thiệp (phố)

Con thứ cụ Tôn-Thất-Thuyết, theo vua Hàm-Nghi xuất biên, đóng ở Tà-lao (T. V.) khi tên Trương-quang-Ngọc làm phản, ông bị đâm chết trong một đêm về năm 1888.

Tôn Thất Yên (phố)

Một danh tướng nhà Nguyễn, có công đánh Chân-lạp.

V

Vạn - Kiếp (đường)

Vạn-Kiếp bây giờ là Vạn-Yên, một xã thuộc huyện Chí - Linh, tỉnh Hải-Dương, nơi Trần-hưng-Đạo đóng quân chống giặc Mông-Cồ khoảng năm Trưng-Hưng đời Trần (1285—1292). Nay còn có đền thờ ngài, tức là đền Kiếp-Bạc.

Vân - Đồn (đường)

Vân-Đồn là một châu thuộc tỉnh Quảng-Yên. Đời Trưng-Hưng nhà Trần, quân Mông-Cồ sang xâm lấn, Trần-khánh-Dư làm Phó tướng Vân-Đồn, đón đánh quân thuyền của tướng giặc là Trương-văn-Tổ từ cửa Hải-Vân vào sông Bạch-Đằng, bắt được tất cả khí giới lương thực.

Vụ Quang (vườn)

Vụ-Quang là rẫy núi thuộc huyện Hương-Khê tỉnh Hà-Tĩnh, tục gọi là « Ngàn-Trươi » địa thế rất hiểm yếu. Hồi năm Kỷ Sửu (1889), cụ Phan-dình-Phùng cùng Cao Thắng đóng đại đồn ở rẫy núi ấy, kháng chiến với quân Pháp, nhiều trận rất anh dũng, làm nổi thanh thế của đảng cần vương hồi bấy giờ.

Vũ Phạm Hàm (phổ)

Người làng Đôn Thư, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà - đông bây giờ. Thám-hoa khoa Nhâm - thìn triều Thành-Thái (1892). Từ thi Hương, thi Hội đến thi Đình đều đỗ đầu tức là tam nguyên, làm quan đến Án-Sát. Là một bậc Khoa-mục tối cao ở Bắc-kỳ vào hồi gần đây.



Yết Kiêu (phò)

Yết Kiêu tự là Hữu Thề, người ở xã Hạ-Bì, tỉnh Hải-Dương, có sức khỏe, tài bơi lội. Một hôm trên bờ bể có hai con trâu húc nhau hăng hái, Yết kiêu cầm gậy xông vào đánh rẽ ra, trâu chạy xuống nước, ông đuổi theo lôi lại cả hai con lên bờ. Khoảng năm Triệu Bảo nhà Trần (1283), cùng Dã-Tượng theo làm gia-tướng Trần Hưng Đạo vương, đi đánh MôngCổ, thường lặn dưới nước đục thủng binh thuyền bên địch, lập được nhiều chiến công kỳ dị, Khi mất, được họa tượng treo ở gác công thần.

Yersin (phố)

Yersin (Alexandre Emile John) là một lang y nước Pháp, sinh tại xứ Morge (Thụy Sĩ) năm 1863, tòng học tại viện Pasteur, chuyên khảo cứu về vi trùng học, mới mất tại Dalat.

Yên-Bái (Đường)

Yên-Bái là một tỉnh thượng-du Bắc-Việt, cách Hà-Nội 155 cây số. Năm 1930, các chiến sĩ Việt-Nam-Quốc-Dân-Đảng khởi nghĩa ở đây, bị thất bại, rồi 13 liệt sĩ bị khép án xử tử, ngày 17 tháng 6 năm 1930, đều lên đoạn đầu đài và an táng tại Yên-Bái. Người ta gọi Yên-Bái là Hoàng-Hoa-Cương của Việt-Nam.

Yên Thế (phố)

Yên-Thế là một phủ hạt Thượng-du, thuộc tỉnh Bắc-Giang, cách tỉnh lỵ 23 cây số, nhiều rừng núi hiểm trở, nơi Hoàng-Hoa-Thám khởi nghĩa, hùng cứ trong 20 năm (1888—1909) cầm cự với quân Pháp, có nhiều võ công anh dũng vẻ vang.

ĐÍNH CHỈNH

Trang	Tên phố	In nhầm	Xin đọc là	Trang	Tên phố	In nhầm	Xin đọc là
7	Bãi Sậy	khu 16	khu 33	21	Tôn thất Thiệp	khu TT	khu 17 T.
10	Dầu	14,14	14,15		Vũ Quang	23	3
	Đào duy Từ	7,9	8,9	26	Cao Thắng	mới 10 tuổi	20 tuổi
	Đình Liệt	15	10	28	Chu văn An	văn Trinh	Văn Trinh
11	Đường thành	3	11,12	30	Duy-Tân	1926	1916
	Hai bà Trưng	17,18,21	17,18,19	32	Đặng trần Côn	Nhân mục	Nhân mục
12	Hàm Nghi	33	17,33		Đình tiên Hoàng	phố	Đại lộ
	Hồ xuân Hương	12	21		Đình Lễ	Đình Lễ	Đình I
13	Kim Liên	26	29	33	Đình Liệt	truy tặng	truy tặng
	Lê Đại Hành	29	26	36	Gia Long	bây gồm 11	bây giờ gồm 11
	Lê như Hồ	Voie 208	Voie 203	37	Hàm tử Quan Hoa	Đồ nhà Nguyễn	
	Mai Hắc Đế	khu 25	khu 25,26			Toa Đồ nhà Nguyễn	
15	Mã Mây	8,9	9	38	Hàn Thuyên	cho là họ Hàn	
	Ngô Quyền	15,19,20	15,19,22			cho họ là Hàn	
	Ngô sĩ Liên	30	30,32			thơ phú	thơ phú nôm
	Nguyễn Biểu		3	38	Hoàng Diệu	H. kim Địch	H. k. Tiel
	Nguyễn chế Nghĩa	33	22	44	Lê Thạch	Trung võ	Trung võ
17	Phạm hồng Thái	2	1,2		Lê T. Tôn	sử chính trị	sửa chính trị
	Phan chu Trinh	19	19,23	45	Lê văn Hựu	Lê văn Hựu	Lê văn Hưu
18	Phùng Hưng	6,7,1,12	6,7,11,12	46	Lý thái Tồ	(1909-1028)	(1009-1028)
	Quan Thánh	3,4	3,4,34	49	Mai-xuân-Thường	Luy-viễn	Tuy viễn
19	Tây Hồ	33	34	54	Ng. Trãi	Lê-thánh-Tôn	Lê-thái-Tôn
	Tô Hiến Thành	25	25,29	54	Ng.-tri-Phương	quận còn	quận công
	Thuốc Bắc	2,3	7	60	Phạm-đ-Hồ	Đông-dã-Tiểu	
20	Trống	23	13			Đông-dã-Tiểu	
	Trần thành Tôn, Bobillot	19		78	Văn đồn	Tr. v. Tồ	Tr. v. Hồ
		Pouligot (cap) 23			V. P. Hàm	Thám hoa Đổ	Thám hoa
	Trúc Bạch Voie	95,96,98	95,9	79	Yết Kiêu	Triệu Bảo	Thiệu Bảo
						bên dịch	bên dịch

Cuốn *Tiểu-sử* này, được Tòa Thị-Chính Hà-nội khuyến khích, hứa mua giúp năm trăm cuốn phát phần thưởng cho học sinh các trường. Để đáp lại thịnh tình, chúng tôi phải cho in cấp tốc cho kịp hạn. Cũng vì lý do đó, nên không thể tránh khỏi có sự đính chỉnh trên này. Xin đọc-giả chu-tôn thề tất cho.

Soạn-giả

Kiểm duyệt số 423 ngày 16-5-51
H. Đ. K. D. B. V.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Handwritten text in red ink, possibly a signature or date.

Handwritten text in red ink, possibly a signature or date.

Handwritten text in red ink, possibly a signature or date.

Handwritten text in red ink, possibly a signature or date.

TỔNG PHÁT HÀNH
Hiệu sách Thanh-Sơn
27, Phố Hàng Dầu — Hà-nội

Giá bán { Bắc - Việt : 12\$
 { Ngoài B.V.: 14.